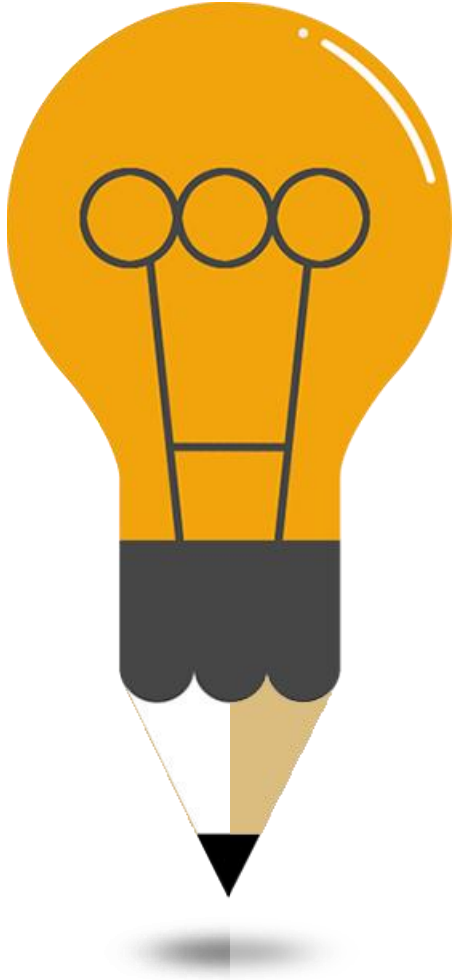


TẬP HUẤN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN SỬ DỤNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Cục Chuyển đổi số quốc gia– Bộ Thông tin và Truyền thông

NỘI DUNG



1 Tổng quan về quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT

2 Hệ thống các văn bản hướng dẫn

3 Quản lý dự án đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng vốn đầu tư công

4 Quản lý hoạt động lập đề cương và dự toán chi tiết

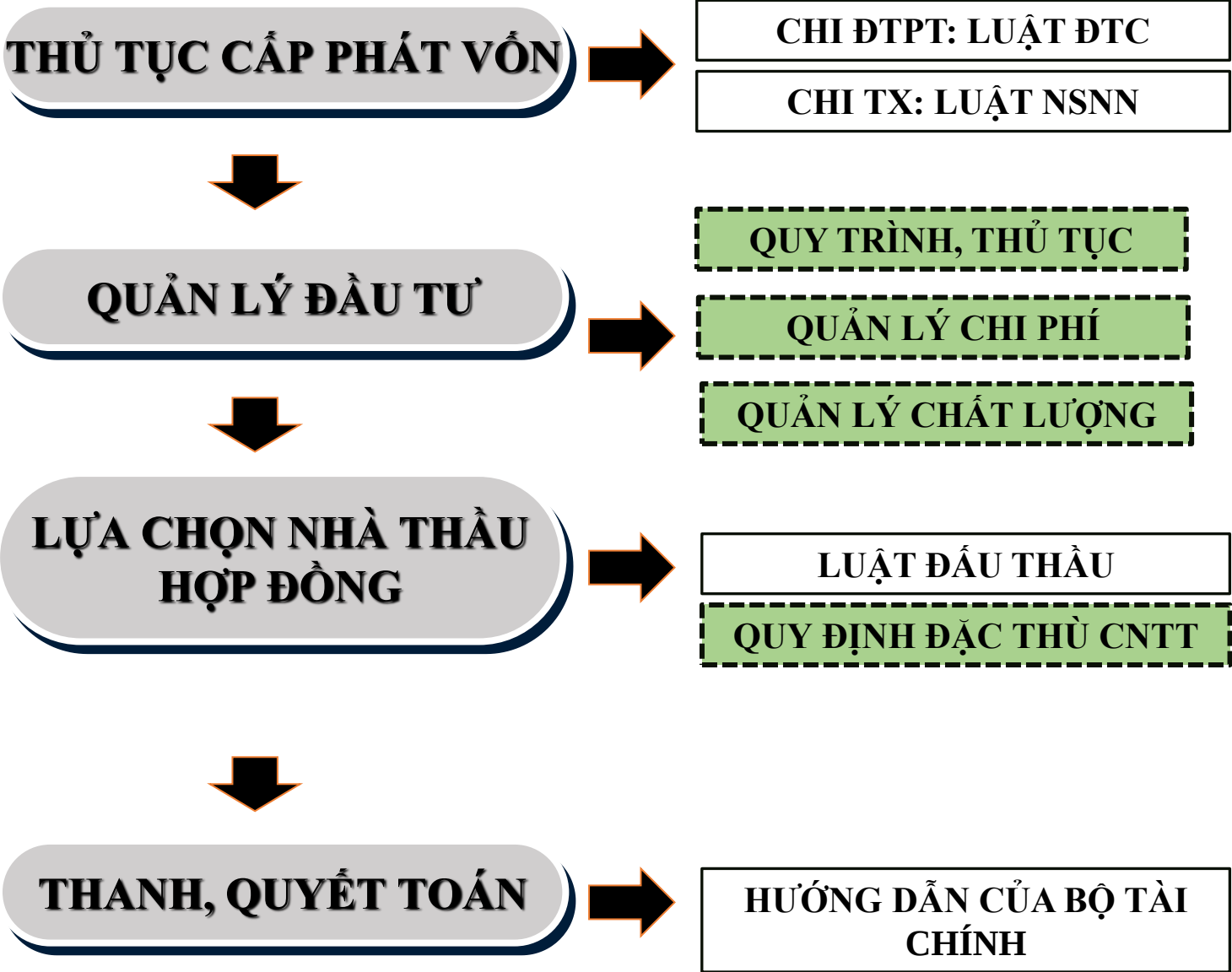
5 Quản lý hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin

6 Trao đổi kinh nghiệm, Hỏi - Đáp



TỔNG QUAN VỀ QUY ĐỊNH QUẢN LÝ ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TỔNG QUAN VỀ QUY ĐỊNH QUẢN LÝ ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CNTT SỬ DỤNG NGUỒN VỐN NSNN





QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CNTT SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

3. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ)

QUY
TRÌNH,
THỦ
TỤC



THẨM
QUYỀN,
NỘI
DUNG



BƯỚC 1



BƯỚC 2

....

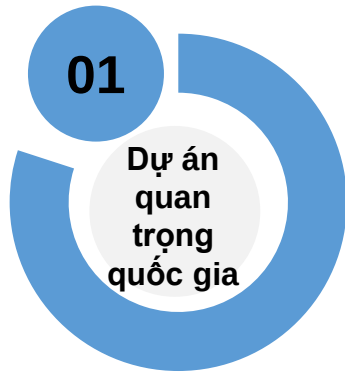


BƯỚC n

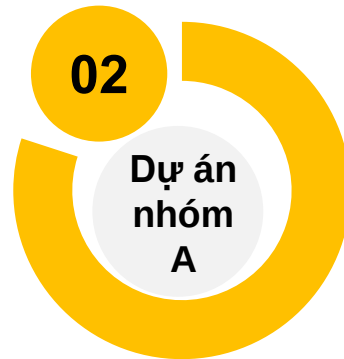
3. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ)

Xác định, phân loại dự án

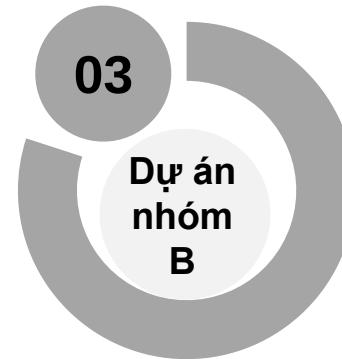
Tiêu chí phân loại dự án thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công



Tổng mức đầu tư từ 10 nghìn tỷ đồng



Tổng mức đầu tư trên 800 tỷ đồng

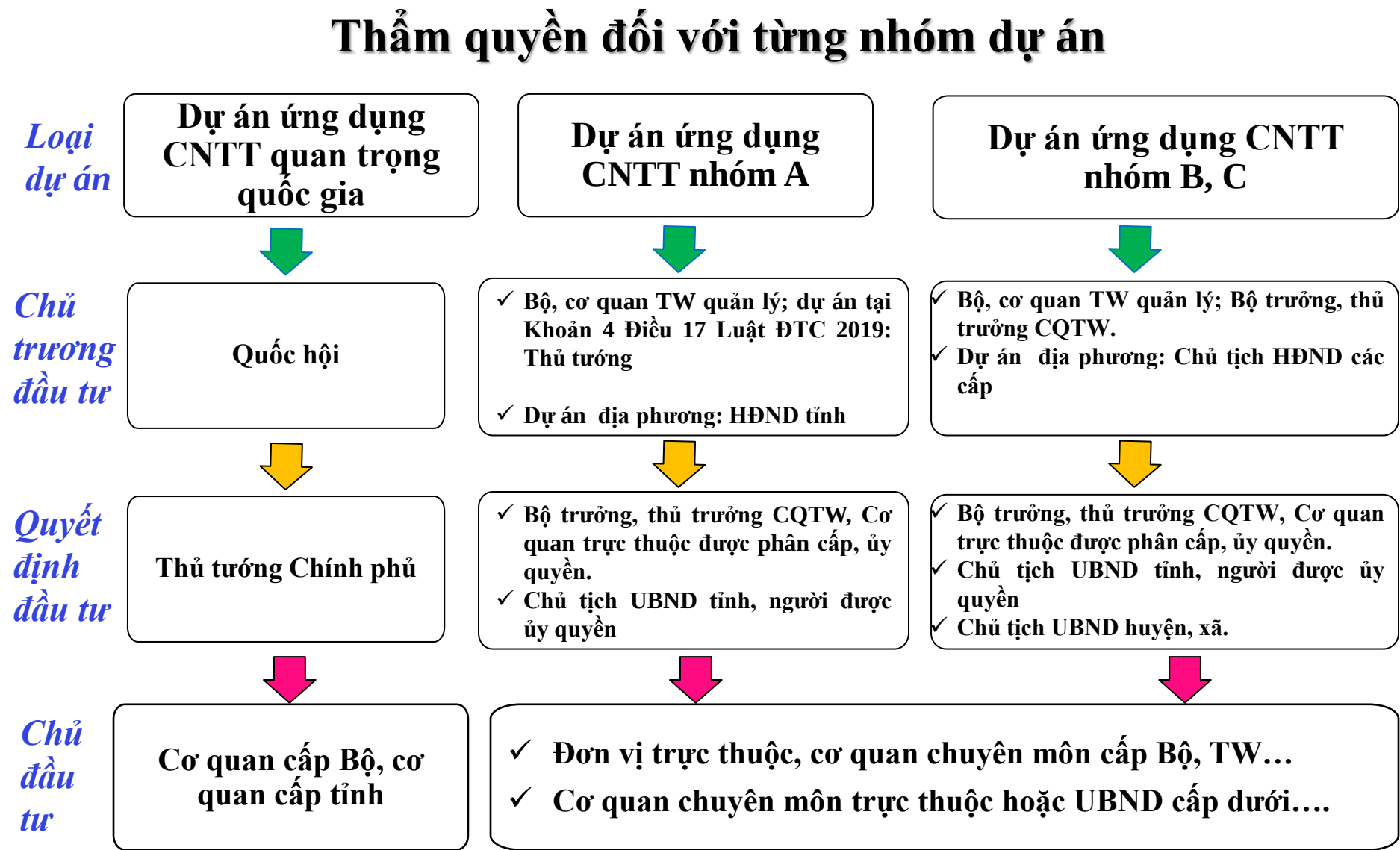


Tổng mức đầu tư từ 45 tỷ đến dưới 800 tỷ đồng



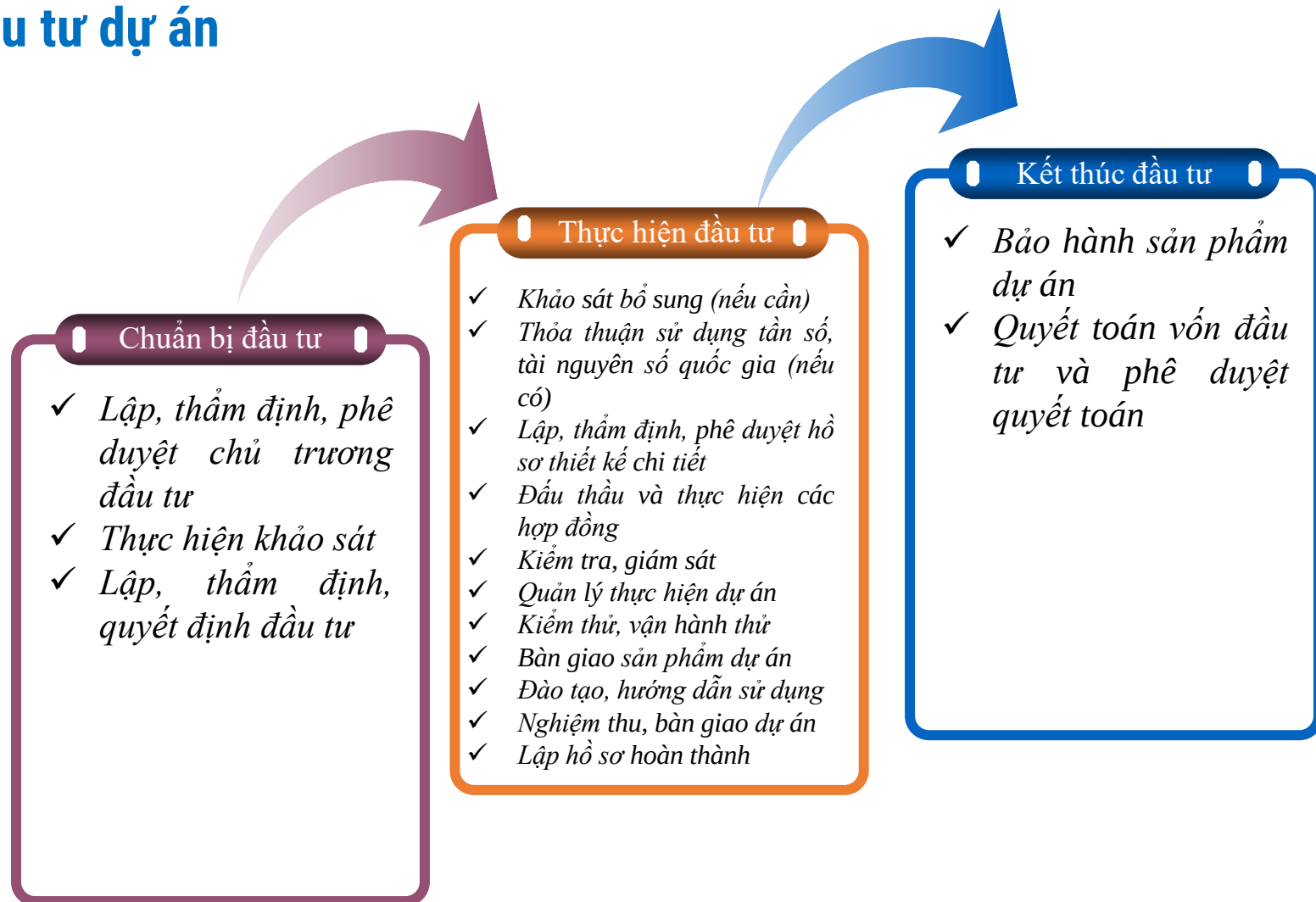
Tổng mức đầu tư dưới 45 tỷ đồng

3. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ)



3. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ)

Trình tự đầu tư dự án



3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)



**GIAI ĐOẠN:
CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**

3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

Giai đoạn Chuẩn bị đầu tư



3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

Tổng quan Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư

*** Đơn vị lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư**

- ✓ Tự thực hiện lập.
- ✓ Thuê đơn vị tư vấn lập

*** Nội dung => Luật ĐTC**

- ✓ Sơ bộ tổng mức đầu tư được xác định theo các phương pháp:
 - Phương pháp so sánh
 - Phương pháp chuyên gia
 - Theo báo giá thị trường
 - Kết hợp các phương pháp
- ✓ Căn cứ theo KH ứng dụng CNTT được duyệt

Thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/BC đề xuất chủ trương đầu tư

- ✓ Thẩm quyền => Luật ĐTC
- ✓ Trình tự, thời gian, hồ sơ => Luật ĐTC
- ✓ Nội dung thẩm định => Luật ĐTC

Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn

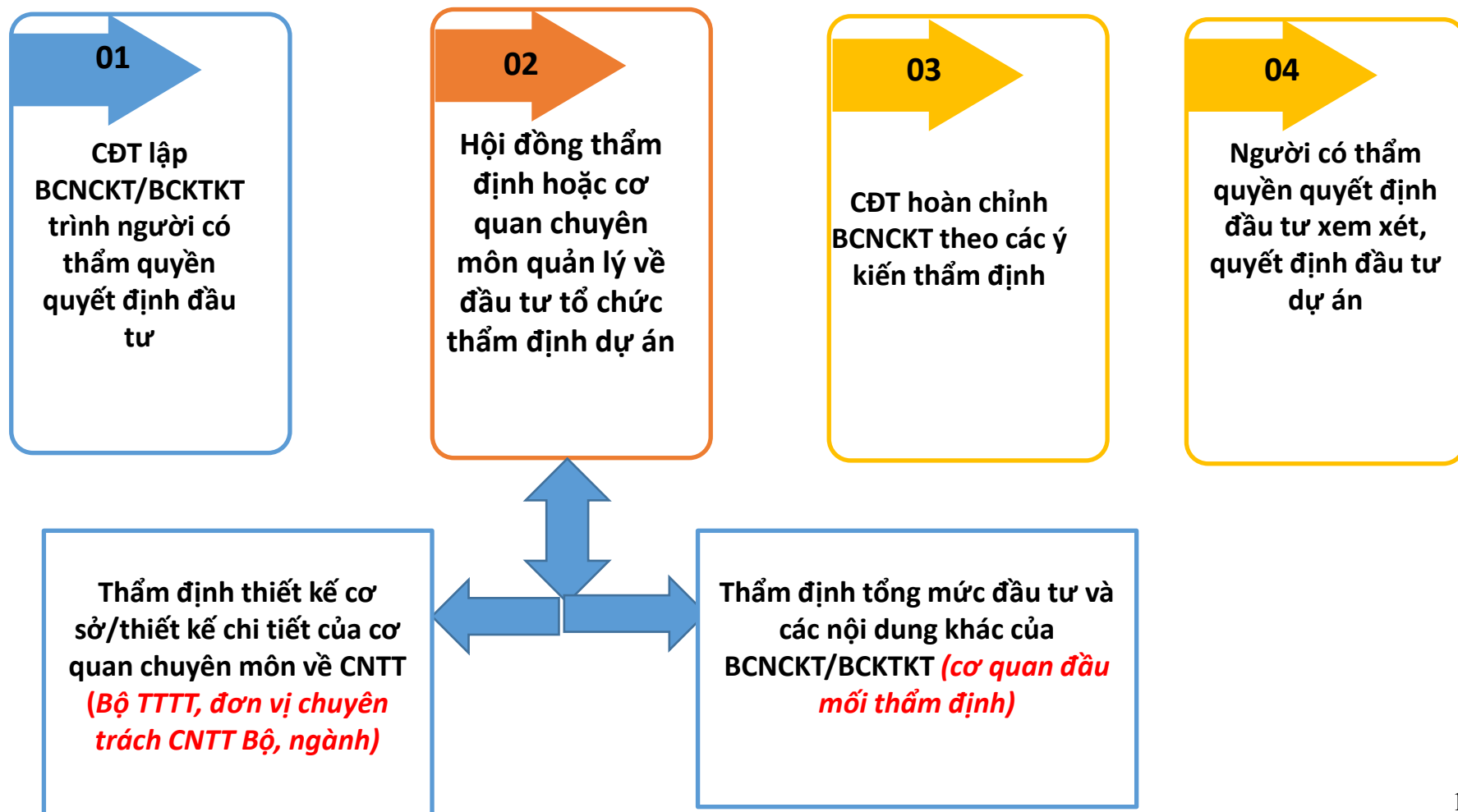
- ✓ Thẩm quyền => Luật ĐTC
- ✓ Trình tự, thời gian, hồ sơ => Luật ĐTC
- ✓ Nội dung thẩm định => Luật ĐTC

Quyết định chủ trương đầu tư

- ✓ Thẩm quyền => Luật ĐTC
- ✓ Hồ sơ trình duyệt => Luật ĐTC

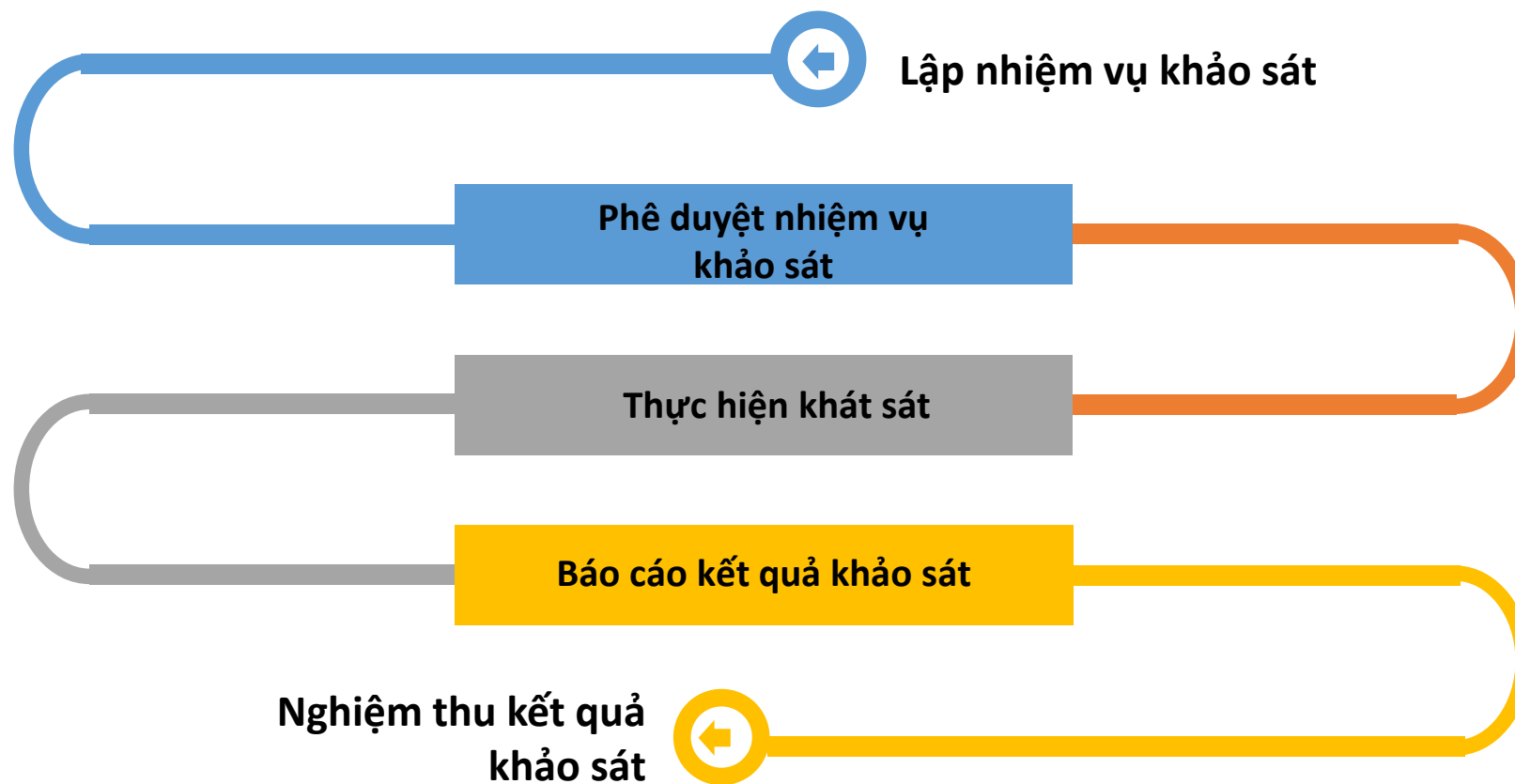
3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

Trình tự lập, thẩm định, quyết định dự án nhóm A, B, C



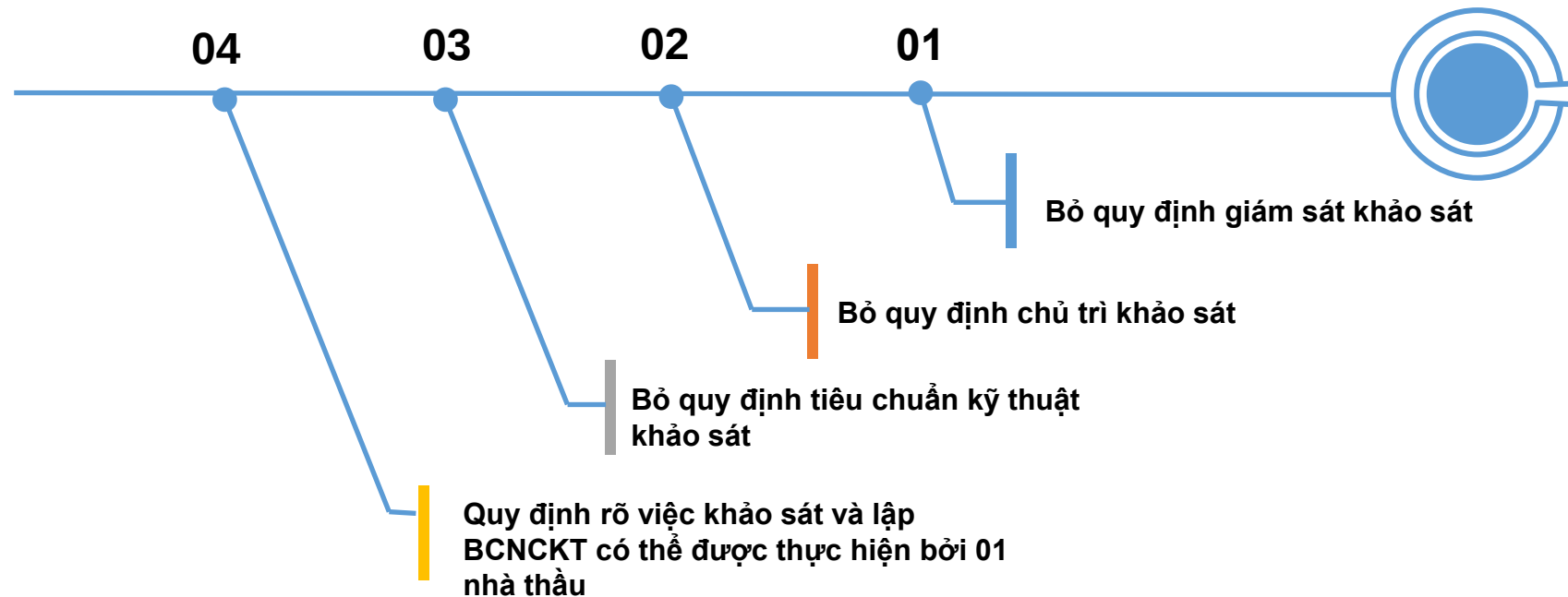
3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

Khảo sát

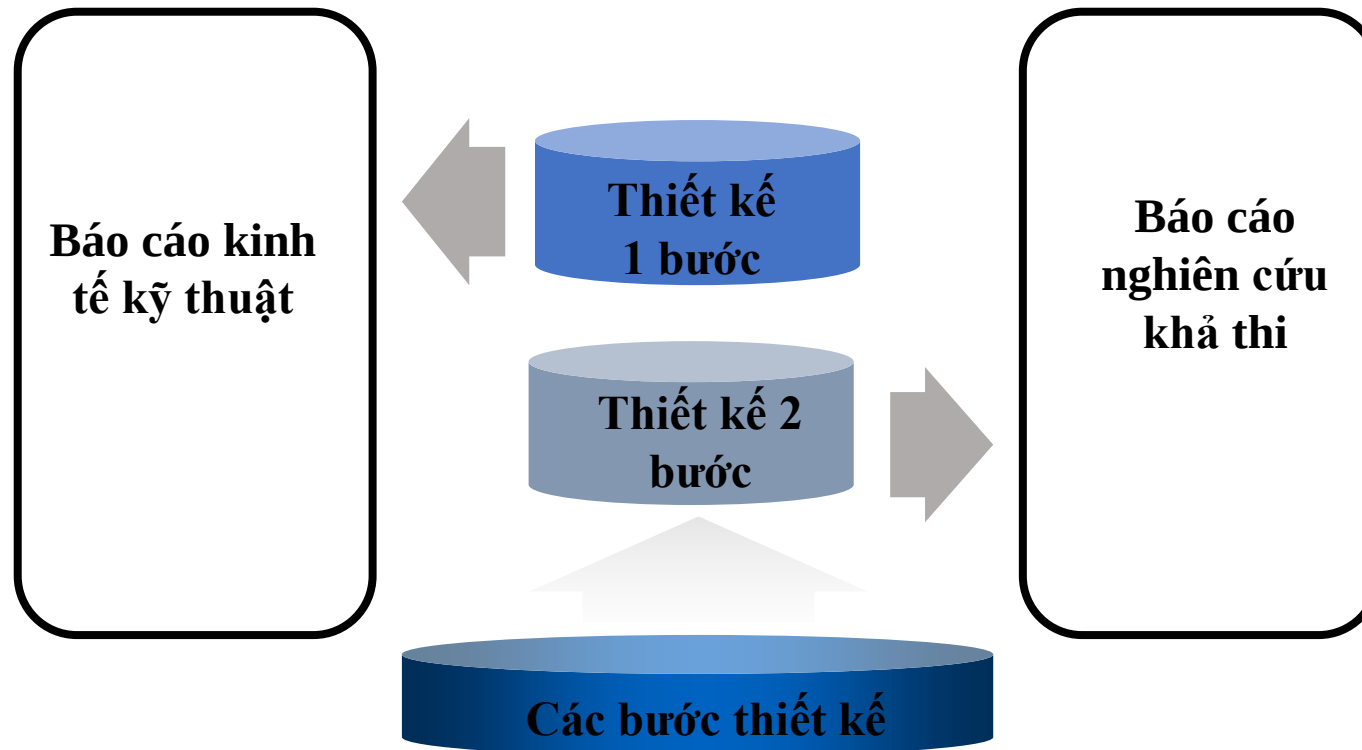


3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

Những điểm mới trong quy định khảo sát của ND 73 so với ND 102



3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)



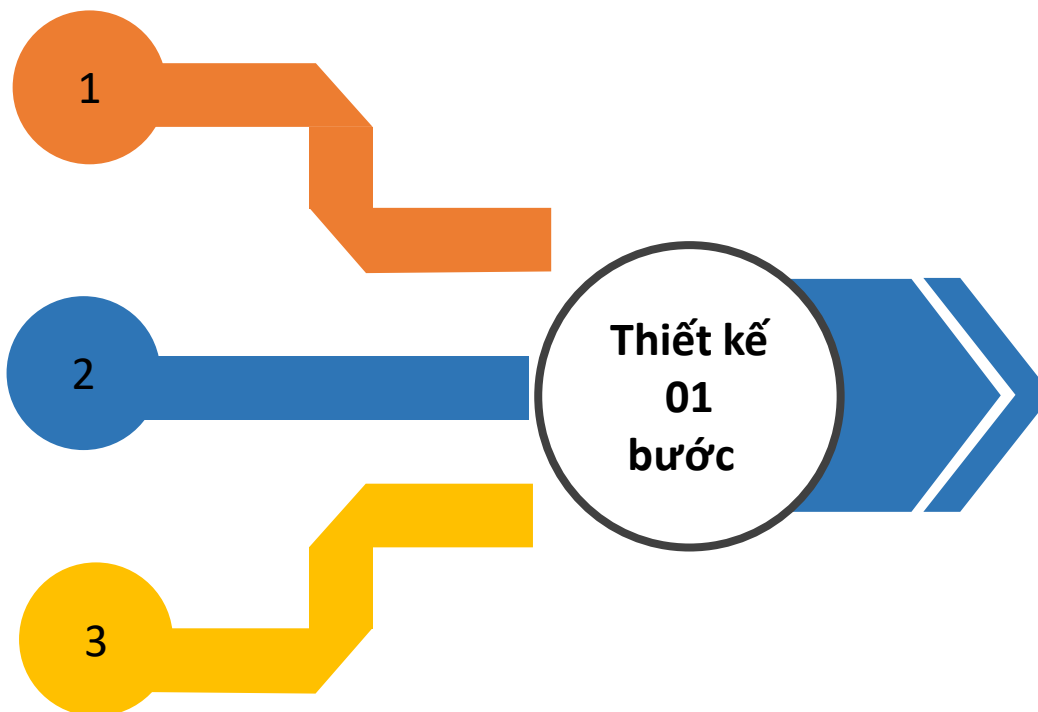
3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

Các bước thiết kế

Dự án mua sắm dự phòng, thay thế các thiết bị phần cứng thuộc hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện có, mua sắm thiết bị không cần lắp đặt, phần mềm thương mại

Dự án đầu tư mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở xuống

Dự án đầu tư mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu nếu xét thấy đủ điều kiện để thiết kế chi tiết và xác định dự toán



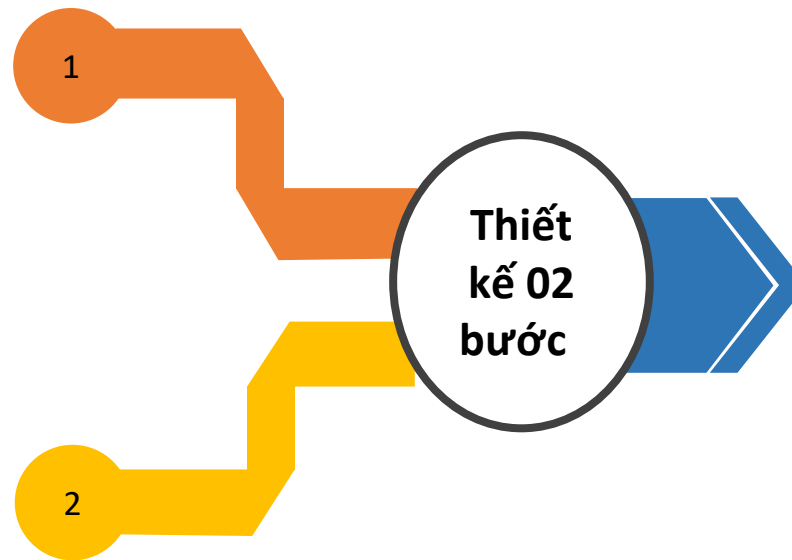
Các trường hợp thiết kế 01 bước, thiết kế chi tiết và dự toán của báo cáo kinh tế - kỹ thuật được lập tại giai đoạn chuẩn bị đầu tư thay cho thiết kế cơ sở và tổng mức đầu tư của báo cáo nghiên cứu khả thi

3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

Các bước thiết kế

Trừ các trường hợp thiết kế 1 bước

Hoặc trong trường hợp người có thẩm quyền quyết định đầu tư thấy cần thiết phải thực hiện thiết kế 2 bước



Thiết kế chi tiết phải phù hợp với thiết kế cơ sở đã được phê duyệt về mô hình tổng thể, mô hình lô-gic, mô hình vật lý của hệ thống hoặc các thành phần của hệ thống (nếu có)

3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi/BC kinh tế - kỹ thuật

Nội dung của Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

- ✓ Các nội dung quy định tại Luật Đầu tư công
- ✓ Thiết kế cơ sở là 1 phần của BCNCKT hoặc Thiết kế chi tiết là 1 phần của BCKTKT trong trường hợp thiết kế 1 bước.
- ✓ BCNCKT/BCKTKT cần thuyết minh rõ các nội dung:
 - Đánh giá sự tuân thủ Khung kiến trúc CPĐT, CQĐT.
 - Phân tích, lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị, trong đó có phân tích, lựa chọn phương án bảo đảm tính kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan; yêu cầu về tính sẵn sàng với IPv6 hoặc giải pháp nâng cấp hệ thống bảo đảm sẵn sàng với IPv6 nếu có các nội dung liên quan hoạt động trên môi trường Internet.
 - Thiết kế cơ sở/thiết kế chi tiết của phương án chọn.

3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

Yêu cầu thiết kế cơ sở/TK chi tiết



Phải phù hợp với chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin được duyệt và tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ hoặc Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh hiện hành



Phải tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng



Phải thể hiện được các thông số chủ yếu, chức năng, tính năng chính



Phải bảo đảm xác định được tổng mức đầu tư/dự toán

Thiết kế cơ sở (thiết kế 2 bước) và Thiết kế chi tiết (trường hợp thiết kế 1 bước)

3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

- **Nội dung thiết kế cơ sở - Phần thuyết minh**

01

Mô tả các yêu cầu của dự án.

02

Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng

03

Thuyết minh mô hình tổng thể, mô hình lô-gic, mô hình vật lý của hệ thống hoặc các thành phần của hệ thống (nếu có), đưa ra các hạng mục đầu tư chính của dự án theo phương án đã chọn bảo đảm thể hiện được các kết nối bên trong, bên ngoài, đường truyền (nếu có) của hệ thống và tính toán (sizing) thông số kỹ thuật cơ bản, số lượng thiết bị

04

Mô tả yêu cầu kỹ thuật cần đáp ứng của phần mềm nội bộ. (Tên phần mềm, các thông số chủ yếu, các yêu cầu phi chức năng)

3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

- **Nội dung thiết kế cơ sở - Phần sơ đồ sơ bộ**

01

Các tài liệu về hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và các điều kiện khác; sơ đồ sơ bộ xây lắp, lắp đặt (đối với xây lắp mạng, lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin và các phụ kiện)

02

Sơ đồ sơ bộ thể hiện việc kết nối, liên thông với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan

3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

Nội dung thiết kế cơ sở - Đối với các hạng mục hoặc dự án mua sắm dự phòng, thay thế các thiết bị phần cứng thuộc hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện có, mua sắm thiết bị không cần lắp đặt, phần mềm thương mại



01

Danh mục thiết bị phần cứng, phần mềm thương mại và các yêu cầu về kỹ thuật của thiết bị

02

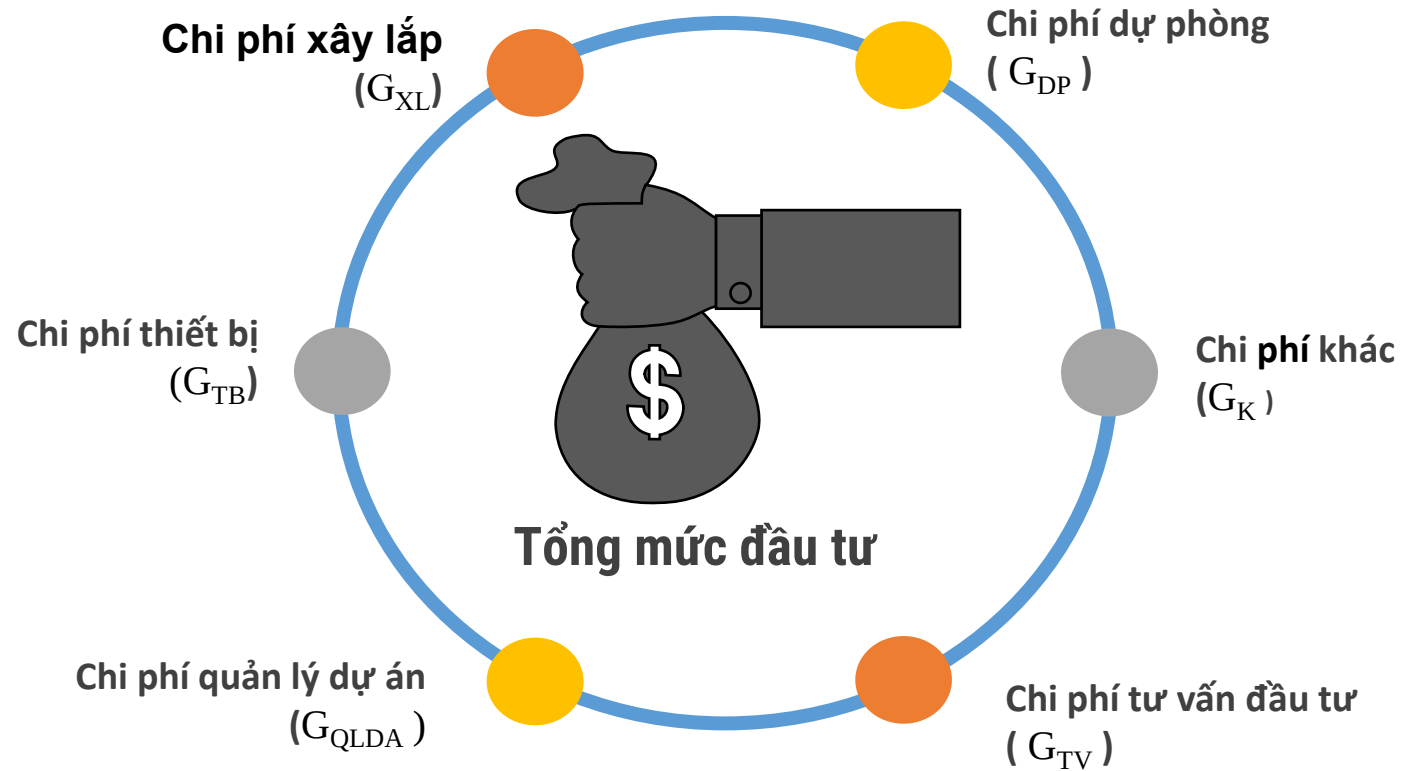
Thống kê khối lượng các thiết bị phần cứng, phần mềm thương mại

3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

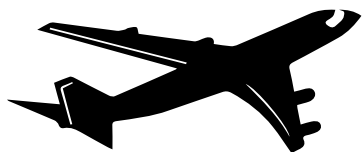
- Tổng mức đầu tư dự án là toàn bộ chi phí dự tính để đầu tư được ghi trong quyết định đầu tư, là cơ sở để chủ đầu tư lập kế hoạch và quản lý vốn khi thực hiện đầu tư dự án.
- Tổng mức đầu tư được tính toán và xác định trong giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi phù hợp với nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi và thiết kế cơ sở.
- Trường hợp dự án thực hiện lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, dự toán được lập thay cho tổng mức đầu tư. Dự toán tính theo khối lượng từ thiết kế chi tiết và các quy định tại Điều 28 Nghị định 73/2019/NĐ-CP.

3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

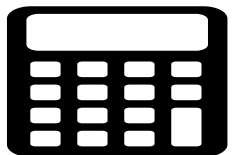


3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

Tổng mức đầu tư (tiếp)



- Trường hợp dự án được triển khai trên phạm vi nhiều địa điểm khác nhau hoặc ở nước ngoài, các chi phí thành phần của tổng mức đầu tư được tính thêm chi phí di chuyển thiết bị và lực lượng lao động.



- Các chi phí thành phần của tổng mức đầu tư (chi phí xây lắp, chi phí thiết bị, chi phí tư vấn, chi phí quản lý, chi phí khác, chi phí dự phòng) nếu chưa có quy định về định mức hoặc chưa tính được ngay thì được tạm tính để đưa vào tổng mức đầu tư.

3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

- **Thẩm quyền thẩm định BCNCKT hoặc BCKTKT**

Dự án bộ, ngành TW
quản lý

Dự án địa phương
quản lý

✓ Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan TW thành lập hội đồng thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư thẩm định BCNCKT/BCKTKT

✓ Đối với dự án cấp tỉnh quản lý: Chủ tịch UBND cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định đối với dự án nhóm A; giao sở KHĐT chủ trì thẩm định đối với dự án nhóm B, C

✓ Đối với dự án do cấp huyện, xã quản lý: Chủ tịch UBND huyện, xã giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư hoặc thành lập Hội đồng thẩm định BCNCKT/BCKTKT

3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

Thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở (thiết kế 2 bước) và thẩm quyền thẩm định thiết kế chi tiết (thiết kế 1 bước)

01

Đối với dự án nhóm A

Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định thiết kế cơ sở/TKCT đối với dự án nhóm A, trừ các dự án đầu tư mua sắm dự phòng, thay thế các thiết bị phần cứng thuộc hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện có, mua sắm thiết bị không cần lắp đặt, phần mềm thương mại.

Trường hợp cần thiết, bộ, cơ quan trung ương, địa phương có thể lấy thêm ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông đối với thiết kế cơ sở dự án khác

Dự án do UBND các cấp quyết định đầu tư

Đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định thiết kế cơ sở/TKCT đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư, trừ các dự án có thiết kế cơ sở thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

02

Đối với dự án do Bộ, ngành quyết định đầu tư

Đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin trực thuộc người có thẩm quyền quyết định đầu tư thẩm định thiết kế cơ sở/TKCT, trừ các dự án có thiết kế cơ sở thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông

04

Trường hợp đơn vị thẩm định thiết kế cơ sở đồng thời là chủ đầu tư

Đơn vị thẩm định thiết kế cơ sở thành lập hội đồng thẩm định để thẩm định thiết kế cơ sở hoặc người có thẩm quyền quyết định đầu tư giao cho đơn vị chuyên môn khác thẩm định thiết kế cơ sở

3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

• Trình tự, hồ sơ, thời gian, nội dung thẩm định thiết kế cơ sở

Trình tự thẩm định TKCS

- ✓ Đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định gửi hồ sơ thiết kế CS lấy ý kiến thẩm định của cơ quan có thẩm quyền thẩm định TKCS.
- ✓ Đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu cần thiết).
- ✓ Đơn vị thẩm định thiết kế cơ sở gửi ý kiến thẩm định TKCS cho đơn vị đầu mối thẩm định.

Nội dung thẩm định thiết kế cơ sở

- ✓ Sự phù hợp về thành phần, quy cách của thiết kế cơ sở so với quy định của pháp luật; Sự phù hợp với quy hoạch, chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin; Sự tuân thủ với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ hoặc Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh; Sự phù hợp của việc lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị;
- ✓ Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật; Sự phù hợp của thiết kế cơ sở trong việc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan

Hồ sơ thẩm định TKCS

- ✓ Báo cáo kết quả khảo sát.
- ✓ Thiết kế cơ sở.
- ✓ Các văn bản pháp lý, tài liệu khác có liên quan.

Thời gian thẩm định TKCS

- ✓ Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm A;
- ✓ Không quá 15 ngày đối với dự án nhóm B;
- ✓ Không quá 10 ngày đối với dự án nhóm C.

3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

Điều chỉnh dự án đầu tư ứng dụng CNTT



Khi điều chỉnh hoặc dừng chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền



Khi điều chỉnh quy hoạch ảnh hưởng trực tiếp tới dự án



Do nguyên nhân bất khả kháng làm thay đổi về mục tiêu, quy mô đầu tư, chi phí và thời gian thực hiện dự án.

**Điều 43,
Luật ĐTC
2019**



Do ảnh hưởng của sự cố thiên tai, hỏa hoạn hoặc yếu tố bất khả kháng khác khi đã hết thời gian bảo hiểm của dự án

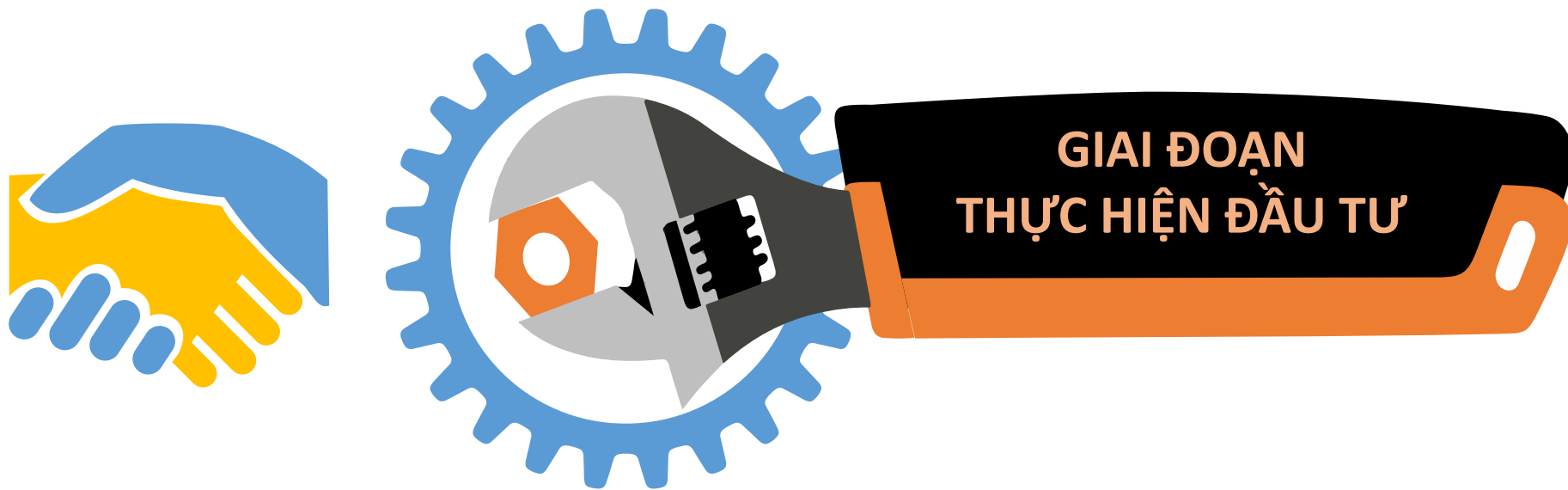


Xuất hiện các yếu tố mang lại hiệu quả cao hơn về tài chính, kinh tế - xã hội do việc điều chỉnh dự án mang lại và được cơ quan có thẩm quyền thẩm định



Khi chỉ số giá trong thời gian thực hiện dự án lớn hơn chỉ số giá được sử dụng để tính dự phòng trượt giá trong tổng mức đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền quyết định

3.2. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN CNTT (thực hiện đầu tư)



3.2. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN CNTT (thực hiện đầu tư)

Thực hiện đầu tư

- ✓ Thực hiện việc khảo sát bổ sung (nếu cần thiết).
- ✓ Thỏa thuận sử dụng tần số, tài nguyên số quốc gia (nếu yêu cầu phải có thỏa thuận về sử dụng tần số, tài nguyên số theo quy định của pháp luật có liên quan).
- ✓ Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế chi tiết, trừ trường hợp dự án thực hiện lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
- ✓ Tổ chức lựa chọn nhà thầu và thực hiện các hợp đồng.
- ✓ Kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các hợp đồng.
- ✓ Quản lý thực hiện dự án.
- ✓ Kiểm thử hoặc vận hành thử.
- ✓ Bàn giao sản phẩm, hạng mục công việc của dự án.
- ✓ Đào tạo hướng dẫn sử dụng, triển khai, hỗ trợ, quản trị, vận hành và khai thác.
- ✓ Nghiệm thu, bàn giao dự án.
- ✓ Lập hồ sơ hoàn thành, lưu trữ hồ sơ của dự án theo quy định.

3.2. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN CNTT (thực hiện đầu tư)

Tổ chức quản lý, thực hiện dự án

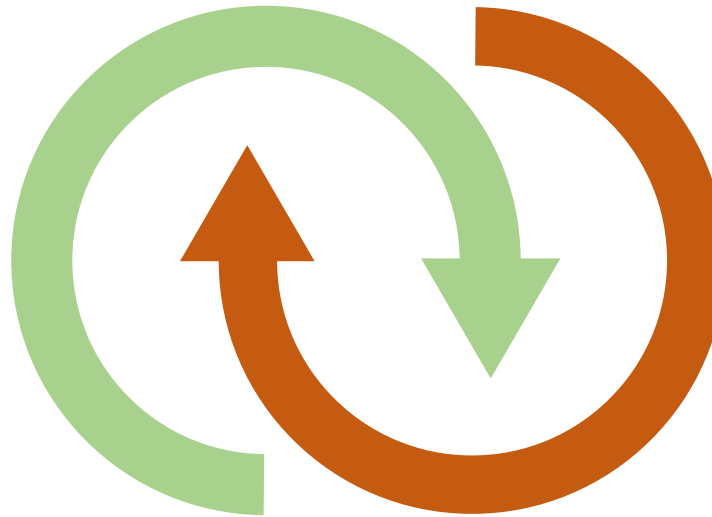
Các hình thức quản lý dự án

1. Trực tiếp quản lý dự án

- Thành lập Ban quản lý dự án: dự án trên 15 tỷ phải thành lập BQLDA.
- Không bắt buộc thành lập BQLDA: Dự án từ 15 tỷ trở xuống có thể sử dụng bộ máy chuyên môn của CĐT để quản lý dự án
- Nhiệm vụ, quyền hạn của BQLDA

2. Thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án

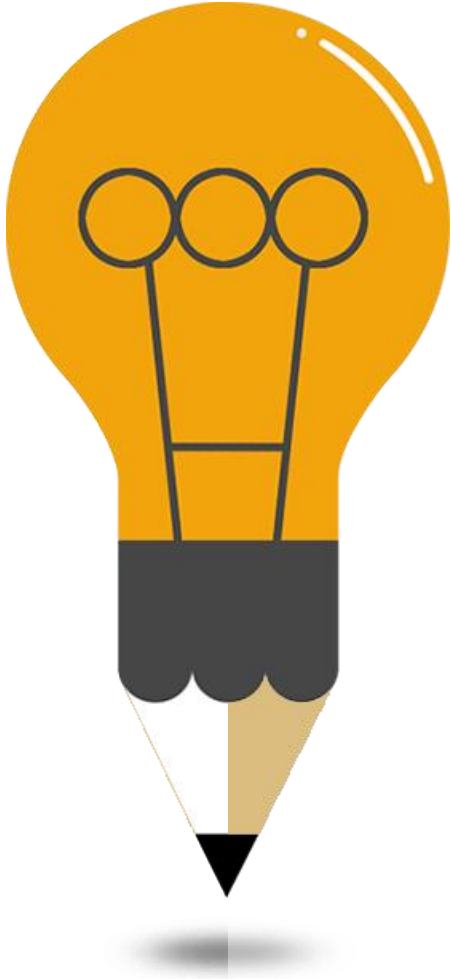
- NĐ 73 bỏ quy định cứng về điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn QLDA
- Nhiệm vụ quyền hạn của tư vấn QLDA



Nội dung công việc quản lý DA

- ✓ Thực hiện các thủ tục và các công việc phục vụ triển khai dự án.
- ✓ Tổ chức lập, chuẩn bị hồ sơ thiết kế chi tiết.
- ✓ Tổ chức đấu thầu theo hồ sơ, trình tự, thủ tục của pháp luật đấu thầu
- ✓ Quản lý chất lượng, chi phí dự án
- ✓ Triển khai và giám sát triển khai
- ✓ Nghiệm thu, bàn giao sản phẩm dự án
- ✓ Thanh, quyết toán, thanh lý các hợp đồng
- ✓ Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành
- ✓ Thực hiện công việc khác

3.2. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN CNTT (thực hiện đầu tư)

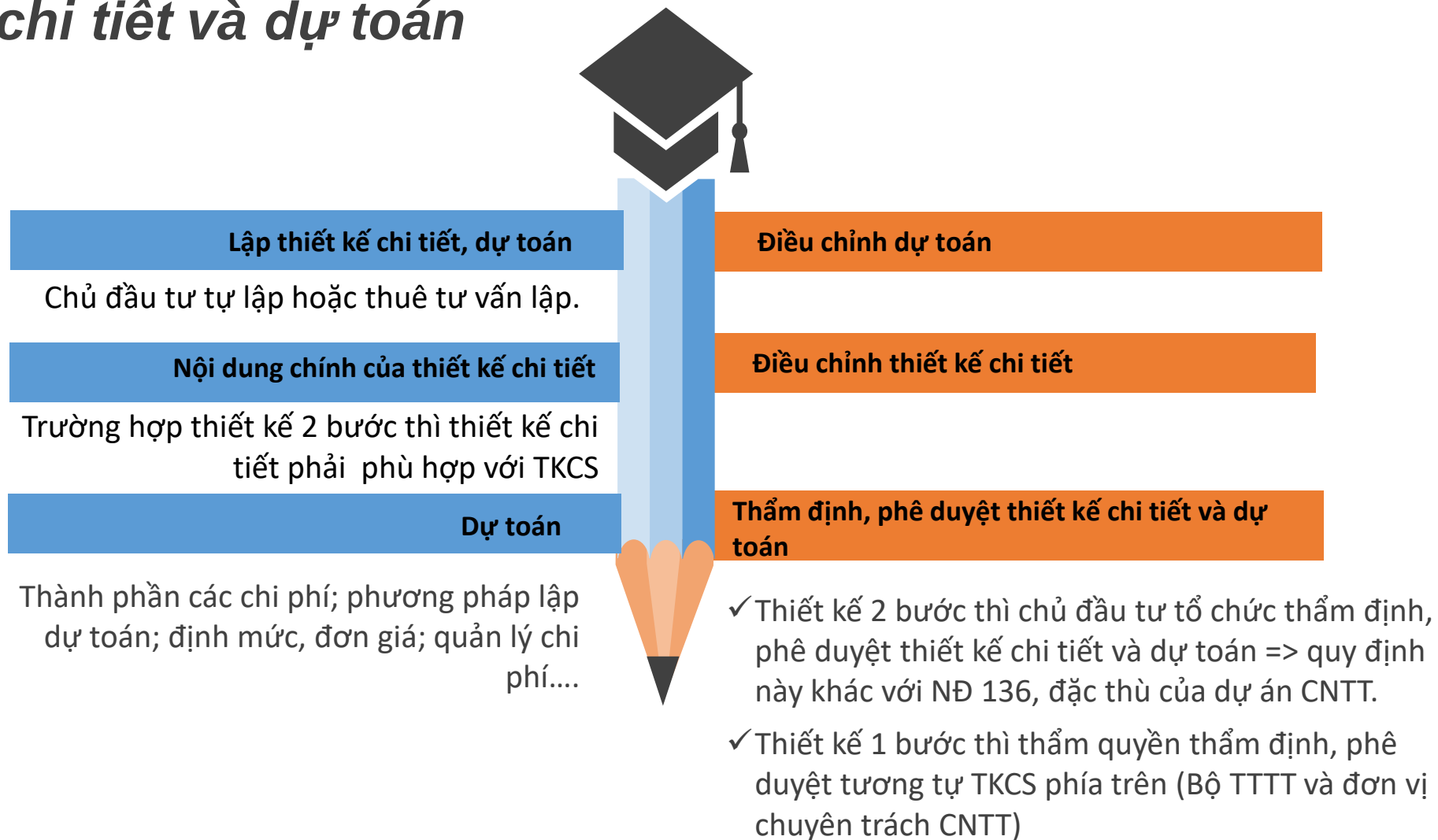


Khảo sát bổ sung

- 01** Chủ đầu tư quyết định việc khảo sát bổ sung
- 02** Lập nhiệm vụ khảo sát bổ sung
- 03** Thực hiện khảo sát bổ sung, báo cáo KS bổ sung
- 04** Nghiệm thu kết quả khảo sát bổ sung

3.2. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN CNTT (thực hiện đầu tư)

Thiết kế chi tiết và dự toán



3.2. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN CNTT (thực hiện đầu tư)

Đấu thầu lựa chọn nhà thầu	Quy trình, thủ tục, thời gian, thẩm quyền...thực hiện theo pháp luật đấu thầu
Triển khai	Chủ đầu tư tự thực hiện hoặc thuê nhà thầu triển khai. Bộ TTTT có Thông tư quy định chi tiết
Giám sát triển khai	✓ Phần mềm nội bộ không phải giám sát triển khai => điểm mới so với NĐ 102 ✓ Xây lắp, lắp đặt hệ thống hạ tầng kỹ thuật, cài đặt phần mềm, hiệu chỉnh vật tư, thiết bị phải thực hiện giám sát triển khai
Kiểm thử hoặc vận hành thử	✓ Sản phẩm của dự án phải được kiểm thử hoặc vận hành thử. Kiểm thử có tự kiểm thử hoặc thuê nhà thầu kiểm thử ✓ Chi phí kiểm thử, vận hành thử được tính vào tổng mức đầu tư dự án => điểm mới so với 102
Nghiệm thu, bàn giao sản phẩm của dự án	Sản phẩm sau khi kiểm thử, vận hành thử đạt yêu cầu chất lượng thì được nghiệm thu, bàn giao
Lập, lưu trữ hồ sơ hoàn thành	Hồ sơ hoàn thành phải được CĐT lập đầy đủ trước khi đưa sản phẩm dự án vào khai thác, sử dụng

3.3. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN CNTT (kết thúc đầu tư)

**GIAI
ĐOẠN
KẾT THÚC
ĐẦU TƯ**



3.3. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN CNTT (kết thúc đầu tư)



01 Bảo hành sản phẩm dự án

- ✓ Thời hạn bảo hành.
- ✓ Mức tiền bảo hành (bảo lãnh bảo hành)
- ✓ Trách nhiệm của các bên về bảo hành

02 Thanh toán, quyết toán dự án

Thực hiện theo Thông tư của Bộ Tài chính.

03 Xử lý tài sản dự án khi DA kết thúc

Tài sản là kết quả của dự án và tài sản phục vụ hoạt động của dự án được xử lý theo quy định.

04 Bảo trì sản phẩm dự án

- ✓ Sản phẩm của dự án phải được bảo trì.
- ✓ Kinh phí bảo trì lấy từ nguồn kinh phí chi thường xuyên thuộc NSNN

3.4. Dự án thuê dịch vụ CNTT

Hiện tại, Nghị định 40/2020/NĐ-CP đã bỏ quy định dự án thuê dịch vụ CNTT sử dụng vốn đầu tư công nên đề nghị các địa phương không triển khai thuê dịch vụ theo hình thức dự án thuê sử dụng vốn ĐTC.

3.5. DỰ ÁN ỨNG DỤNG CNTT THÍ ĐIỂM

Ngoài 2 loại dự án đầu tư và dự án thuê đã trình bày phía trên, Nghị định 73 còn quy định loại dự án thử nghiệm.

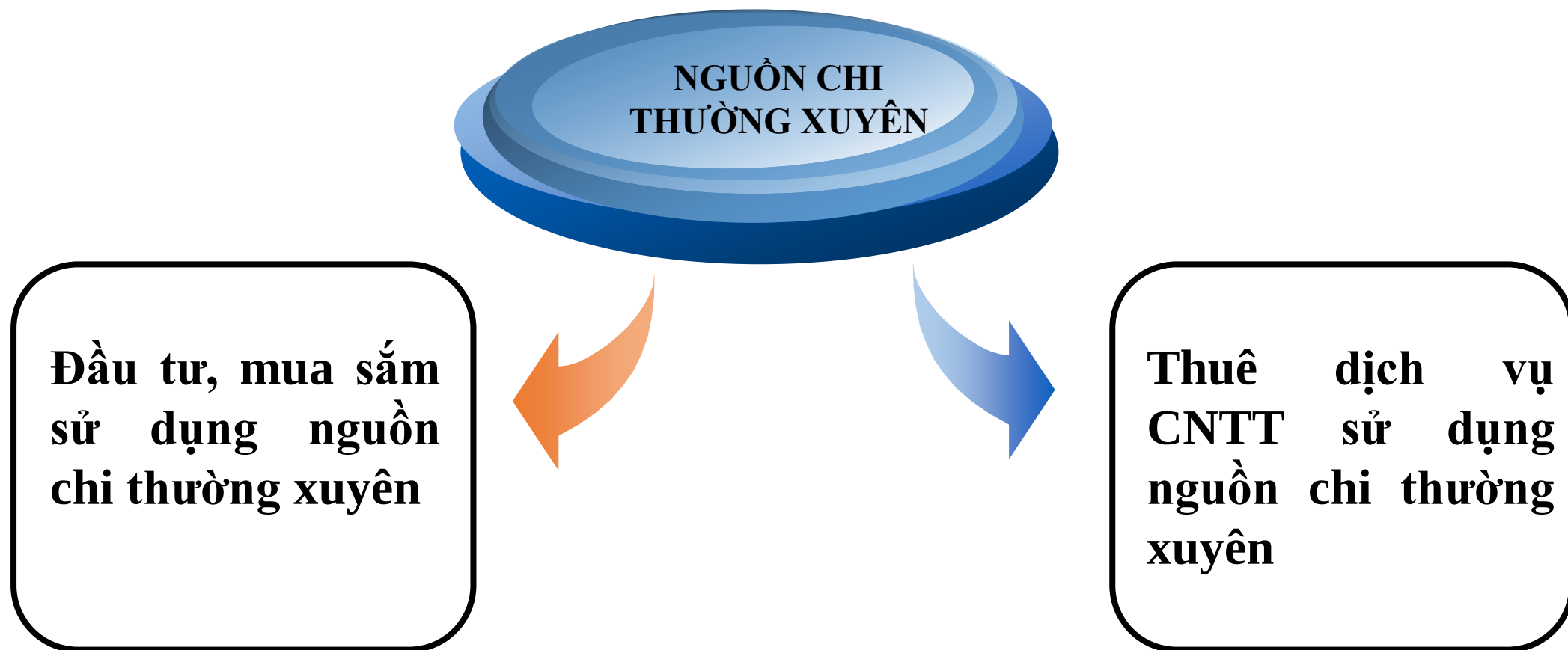
Đây là quy định rất mới của Nghị định 73 giúp giải quyết các vấn đề mới, khó xác định đầu bài ngay từ đầu trong xây dựng CPĐT hiện nay.

Trường hợp dự án có sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin chưa sẵn có trên thị trường, nếu cần thiết, chủ đầu tư xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền để lựa chọn các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, đề xuất giải pháp, phương án kỹ thuật, công nghệ; xây dựng, thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ. Các tổ chức, cá nhân nói trên chịu mọi chi phí phát sinh (nếu có). Sau khi thử nghiệm thành công, xác định được giải pháp kỹ thuật, công nghệ, chi phí, chủ đầu tư tiến hành các thủ tục đầu tư theo quy định

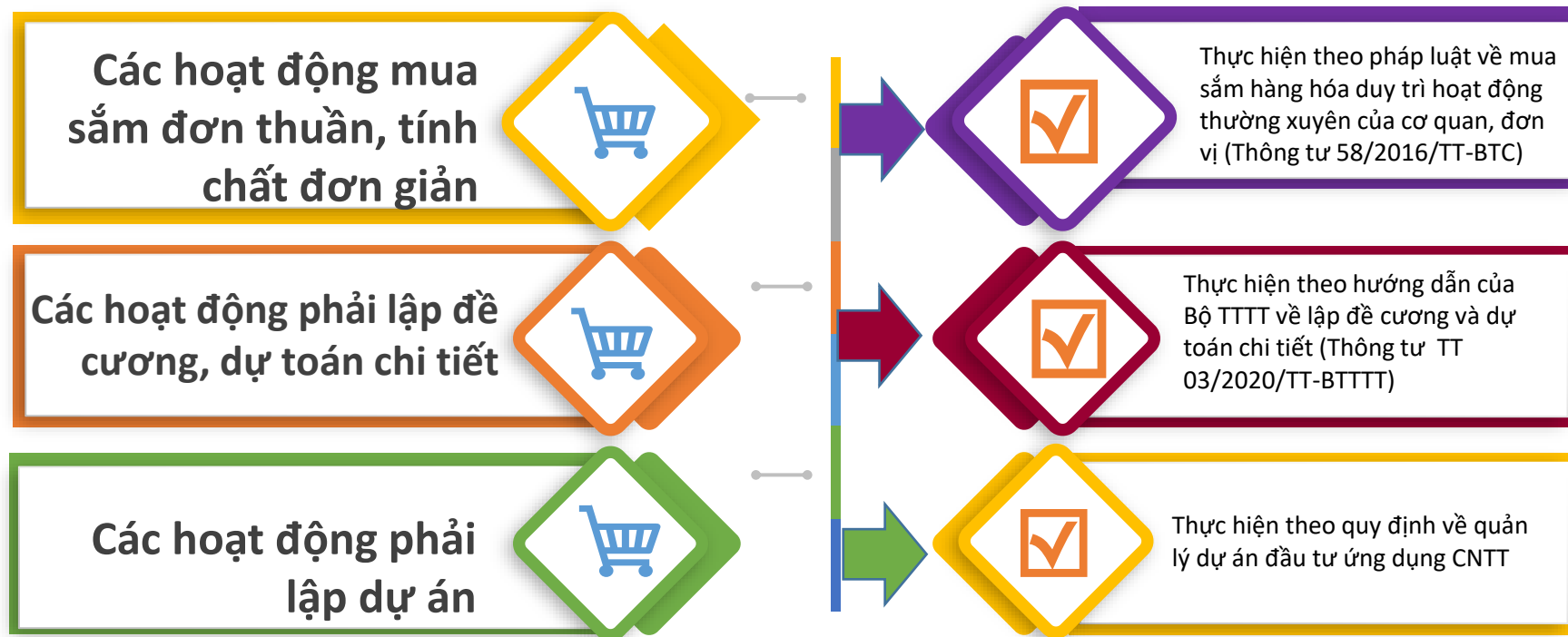


QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ, MUA SẺ CNTT SỬ DỤNG VỐN CHI THƯỜNG XUYÊN NSNN

4. HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CNTT SỬ DỤNG NGUỒN CHI THƯỜNG XUYÊN



4.1. Hoạt động đầu tư, mua sắm sử dụng nguồn chi thường xuyên



4.1 Hoạt động đầu tư, mua sắm sử dụng nguồn chi thường xuyên

Mua sắm dự phòng, thay thế các thiết bị phần cứng thuộc hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện có

Mua sắm thiết bị không cần lắp đặt, phần mềm thương mại; bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm; quản lý vận hành, thuê quản trị, hỗ trợ kỹ thuật hệ thống thông tin, dịch vụ an ninh mạng, an toàn thông tin

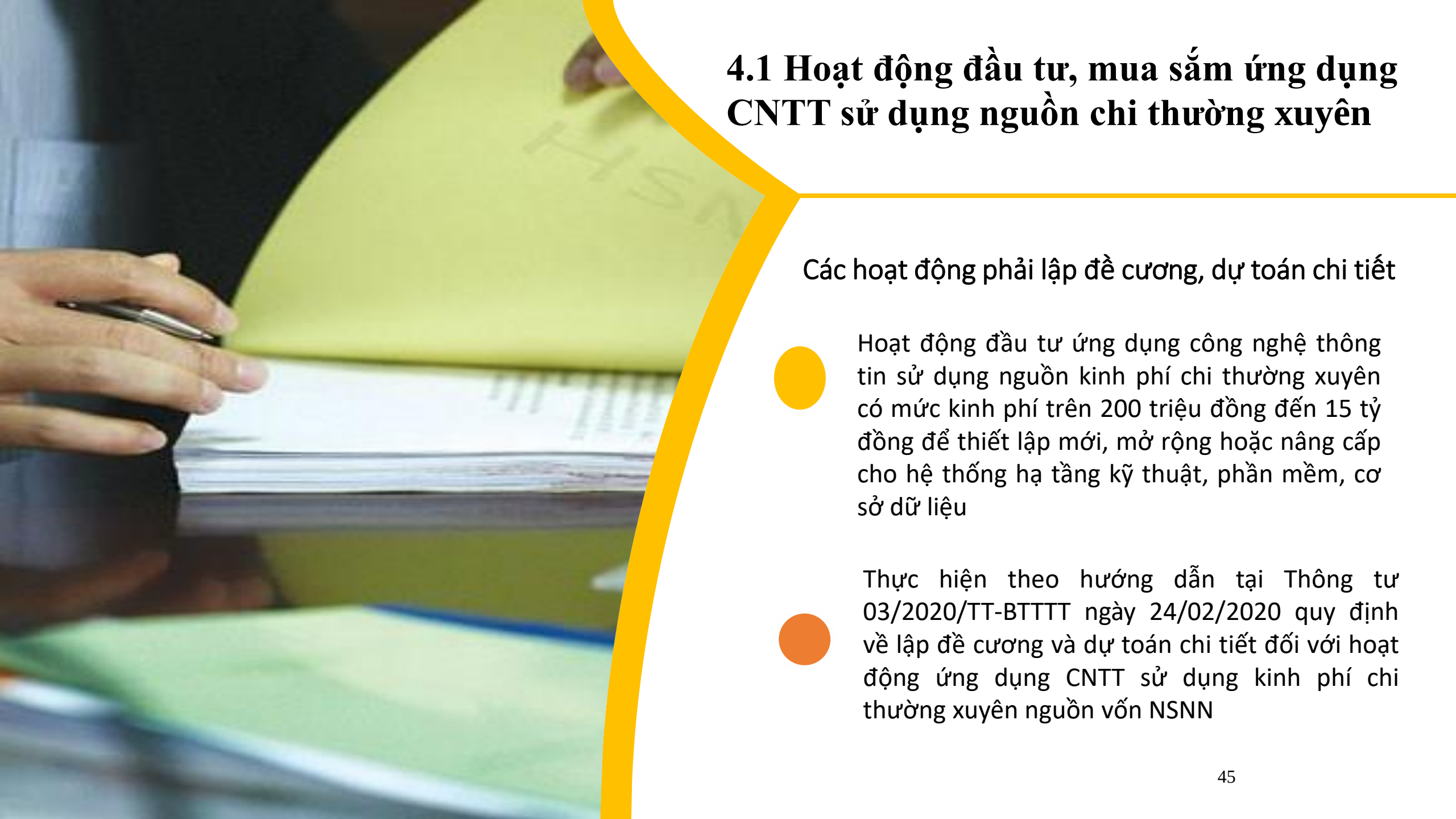
Tạo lập, duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu; bảo đảm hoạt động cho cổng/trang thông tin điện tử



Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin có mức kinh phí từ 200 triệu đồng trở xuống để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu

Các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên để khắc phục ngay hoặc xử lý kịp thời hậu quả gây ra do sự cố thiên tai, hỏa hoạn hoặc thực thi nhiệm vụ giải quyết sự cố theo yêu cầu của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc yêu cầu nghiệp vụ quy định tại văn bản quy phạm pháp luật

Các hoạt động này thực hiện theo quy trình, thủ tục đơn giản (TT 58/2016/TT-BTC)



4.1 Hoạt động đầu tư, mua sắm ứng dụng CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

Các hoạt động phải lập đề cương, dự toán chi tiết

- Hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên có mức kinh phí trên 200 triệu đồng đến 15 tỷ đồng để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu
- Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn NSNN

4.1. Hoạt động đầu tư, mua sắm ứng dụng CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

Các hoạt động phải lập dự án



Phạm vi hoạt động phải lập dự án

- ✓ Mức kinh phí trên 15 tỷ đồng để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu.



Các nội dung thực hiện theo dự án đầu tư ứng dụng CNTT

- ✓ Phân loại dự án
- ✓ Trình tự, thủ tục đầu tư dự án
- ✓ Thẩm quyền thẩm định thiết kế (TKCS, TKCT)
- ✓ Quản lý chi phí, quản lý chất lượng



Các nội dung thực hiện theo pháp luật NSNN

- ✓ Chủ trương thực hiện
- ✓ Thẩm quyền quyết định đầu tư
- ✓ Xác định chủ đầu tư
- ✓ Đơn vị đầu mối thẩm định dự án là đơn vị trực thuộc người có thẩm quyền quyết định đầu tư.





HỆ THỐNG CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN VÀ VĂN BẢN LIÊN QUAN

HỆ THỐNG CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN

Các chương trình, chiến lược

1. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
2. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.
3. Quyết định số 411/QĐ-TTg phê duyệt chiến lược phát triển kinh tế số, xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
4. Các Chỉ thị của TTCP: Chỉ thị 02/CT-TTg năm 2021 về chính phủ số; chỉ thị 14/CT-TTg về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại;
5. Quyết định 2323/QĐ-BTTTT ban hành Khung Kiến trúc CPĐT Việt Nam 2.0
6. Kiến trúc CQĐT của các địa phương; Nghị quyết, chương trình CDS của địa phương.
7. Quy hoạch phát triển của địa phương.

HỆ THỐNG CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN

Các văn bản quy định, hướng dẫn về quản lý đầu tư CNTT

1. Luật Đầu tư công 2019 và Nghị định 40/2020/NĐ-CP; Nghị định về giám sát, đánh giá đầu tư.
2. Luật NSNN 2015 và hệ thống các văn bản hướng dẫn.
3. Luật Đấu thầu 2014 và các văn bản hướng dẫn.
4. Nghị định 73/2019/NĐ-CP quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng NSNN
5. Luật An toàn thông tin mạng và Nghị định 85/2016/NĐ-CP về bảo đảm AT HTTT theo cấp độ.
6. Thông tư 03/2020/TT-BTTTT; Thông tư 04/2020/TT-BTTTT; Thông tư 12/2020/TT-BTTTT; Thông tư 23/2020/TT-BTTTT; Thông tư 24/2020/TT-BTTTT;
7. Thông tư 58/2016/TT-BTC được sửa đổi bởi Thông tư 68/2022/TT-BTC về mua sắm thường xuyên sử dụng NSNN.
8. Hệ thống các văn bản về thanh toán, quyết toán.
9. Các văn bản quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

HỆ THỐNG CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN

Các định mức, đơn giá, mức chi

1. Định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng NSNN (QĐ 1688/QĐ-BTTTT)
2. Định mức lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong ứng dụng CNTT (QĐ 1601/QĐ-BTTTT; QĐ 1235/QĐ-BTTTT).
3. Định mức tạo lập CSDL trong hoạt động ứng dụng CNTT (QĐ 1595/QĐ-BTTTT; Thông tư 194/2012/TT-BTC; các định mức của Bộ chuyên ngành như TNMT, Nội vụ (TT 04/2014/TT-BNV, ...) *Lưu ý các trường hợp áp dụng.*
4. Định mức trong hoạt động chuyển giao ứng dụng CNTT (QĐ 2331/QĐ-BTTTT)
5. Định mức triển khai áp dụng phần mềm nguồn mở (QĐ 1872/QĐ-BTTTT)
6. Văn bản hướng dẫn xác định chi phí phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ (2589/BTTTT-WDCNTT)
7. Văn bản hướng dẫn lập dự toán chi phí khảo sát dự án ứng dụng CNTT (CV 1951/BTTTT-UDCNTT)

HỆ THỐNG CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN

Các định mức, đơn giá, mức chi

1. Quyết định số 129/QĐ-BTTTT về hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn NSNN.
2. Các văn bản về mức chi, định mức do Bộ Tài chính, bộ chuyên ngành ban hành (chi đào tạo, chi công tác phí, chi phí trong đấu thầu, chi phí thẩm định dự án, các định mức của ngành TNMT, ...)

TỔNG QUAN CHUNG

QUẢN LÝ ĐẦU TƯ



QUY TRÌNH, THỦ TỤC



NĐ 73 đã quy định rõ, không cần thông tư hướng dẫn



QUẢN LÝ CHI PHÍ



Đầu tư: Thông tư 04/2020/TT-BTTTT quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin

Chi TX (mua sắm):

- **Lập Đề cương, dự toán chi tiết:** Thông tư 03/2020/TT-BTTTT
- **Hoạt động khác:** Theo hướng dẫn Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn

Chi TX (thuê dịch vụ):

- **Chưa có sẵn:** TT 12/2020/TT-BTTTT quy định phương pháp tính chi phí thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước
- **Có sẵn:** Theo hướng dẫn Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn

Định mức, đơn giá:

- Áp dụng chung cho cả đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ
- Cơ bản khá đầy đủ, sẽ tiếp tục cập nhật, điều chỉnh, bổ sung

TỔNG QUAN CHUNG

QUẢN
LÝ
ĐẦU
TƯ



QUẢN
LÝ
CHẤT
LƯỢNG

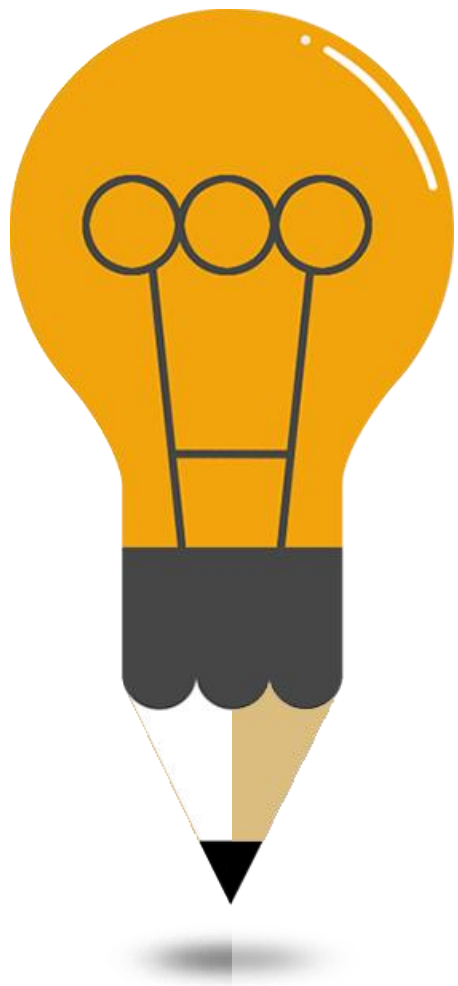
Đầu tư: Thông tư 24/2020/TT-BTTTT quy định công tác triển khai, giám sát triển khai và nghiệm thu dự án đầu tư ứng dụng CNTT (thay thế Thông tư số 28/2010/TT-BTTTT, bổ sung quy định về triển khai, nghiệm thu, kiểm thử, vận hành thử)

Chi TX (mua sắm):

- **Lập Đề cương DTCT:** quy định tại Thông tư 03/2020/TT-BTTTT
- **Hoạt động khác:** Theo Hợp đồng và vận dụng các văn bản khác

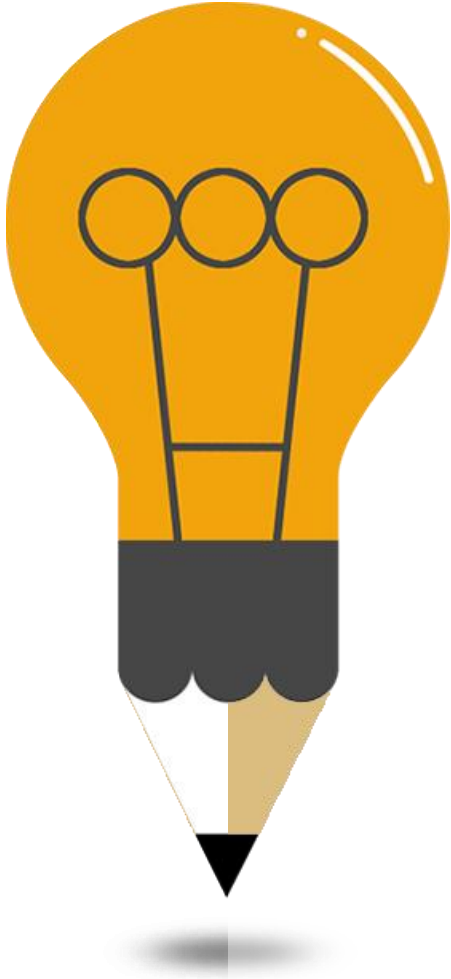
Chi TX (thuê dịch vụ):

- **Chưa có sẵn:** Thông tư 23/2020/TT-BTTTT quy định các nội dung đặc thù của hợp đồng thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (bãi bỏ 2455a/BTTTT-THH)
- **Có sẵn:** Theo Hợp đồng và vận dụng các văn bản khác



**THÔNG TƯ 03/2020/TT-BTTTT
QUY ĐỊNH VỀ LẬP ĐỀ CƯƠNG VÀ DỰ
TOÁN CHI TIẾT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG
ƯDCNTT SỬ DỤNG KINH PHÍ CHI
THƯỜNG XUYÊN NGUỒN VỐN NSNN**

THÔNG TƯ 03/2020/TT-BTTTT



1

**Phạm vi lập đề cương và dự toán chi tiết
(phạm vi điều chỉnh của Thông tư)**

2

Nội dung đề cương và dự toán chi tiết

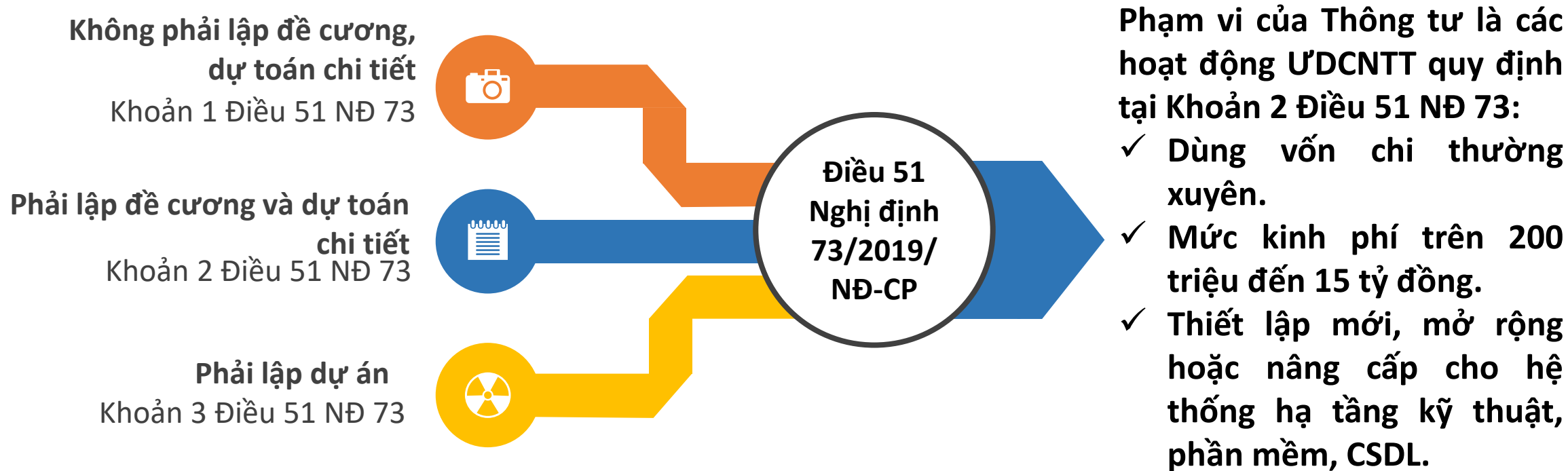
3

Thẩm định đề cương và dự toán chi tiết

4

Phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết

NỘI DUNG 1: PHẠM VI LẬP ĐỀ CƯƠNG VÀ DỰ TOÁN CHI TIẾT



Khắc phục hạn chế của Thông tư 21 trước đây:

1. Nâng mức kinh phí tối đa đến 15 tỷ đồng. Trước đây là 03 tỷ đồng.
2. Mở rộng phạm vi bao gồm cả hoạt động “thiết lập mới”. Trước đây không có.

NỘI DUNG 2: NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG VÀ DỰ TOÁN CHI TIẾT

ĐỀ CƯƠNG

- Thông tin chung;
- Sự cần thiết thực hiện (hiện trạng, mục tiêu, quy mô, yêu cầu, nhu cầu, sự cần thiết thực hiện;
- Thuyết minh phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ được đề xuất (phân tích giải pháp, lựa chọn giải pháp; thuyết minh các yêu cầu PMNB: Điều 18, 27 NĐ 73; Xây lắp, lắp đặt...);
- Các mốc thời gian, tiến độ thực hiện
- Phương án tổ chức quản lý thực hiện, đưa vào vận hành, khai thác
- Đề xuất kiến nghị.

DỰ TOÁN CHI TIẾT

- Chi phí xây lắp
- Chi phí thiết bị
- Chi phí quản lý
- Chi phí tư vấn
- Chi phí khác
- Chi phí dự phòng

NỘI DUNG 2: NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG VÀ DỰ TOÁN CHI TIẾT

Cơ sở lập dự toán chi tiết

1. Các văn bản hướng dẫn lập dự toán NSNN hàng năm của Bộ Tài chính và các cơ quan tài chính.
2. Các văn bản về định mức, đơn giá, mức chi.
 - Định mức, đơn giá, mức chi của Bộ Tài chính, Bộ TTTT
 - Định mức, đơn giá ban hành theo quy định của NĐ 73.
3. Các văn bản hướng dẫn về quản lý chi phí đầu tư ứng dụng CNTT theo quy định của NĐ 73 (TT04).
4. Báo giá, thông báo giá hoặc phương pháp khác.

NỘI DUNG 3: THẨM ĐỊNH ĐỀ CƯƠNG VÀ DỰ TOÁN CHI TIẾT

Thẩm quyền thẩm định đề cương và dự toán chi tiết



Nếu đơn vị thẩm định kỹ thuật vừa là đơn vị sử dụng ngân sách thì hoặc:

➤ **Đơn vị đó thành lập Hội đồng thẩm định.**

➤ **Người có thẩm quyền duyệt đề cương, dự toán chi tiết giao cho đơn vị chuyên môn khác trực thuộc thẩm định.**

NỘI DUNG 3: THẨM ĐỊNH ĐỀ CƯƠNG VÀ DỰ TOÁN CHI TIẾT

Nội dung thẩm định

1. Thẩm định phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ.
 - ✓ Sự phù hợp của việc lựa chọn phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ.
 - ✓ Sự phù hợp của phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ với các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng và các yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật.
 - ✓ Sự phù hợp của phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ trong việc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, CSDL liên quan
2. Sự phù hợp của việc áp dụng, vận dụng các định mức, đơn giá, các chế độ, chính sách có liên quan và các khoản mục chi phí đã quy định có liên quan đến các chi phí nêu tại dự toán chi tiết.
3. Sự phù hợp giữa khối lượng thuyết minh nêu trong đề cương với khối lượng trong dự toán chi tiết.
4. Các nội dung khác của đề cương và dự toán chi tiết.

NỘI DUNG 3: THẨM ĐỊNH ĐỀ CƯƠNG VÀ DỰ TOÁN CHI TIẾT



1. Được phép thuê tư vấn thẩm tra đề cương và dự toán chi tiết. Định mức chi phí tư vấn thẩm tra xác định theo Quyết định 1688/QĐ-BTTTT.
2. Nếu trường hợp đơn vị đầu mối thẩm định cũng đồng thời là đơn vị thẩm định kỹ thuật thì không phải làm riêng 2 báo cáo thẩm định mà được gộp vào 1 báo cáo thẩm định chung.
3. Thời gian thẩm định tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, bao gồm cả thời gian thẩm định kỹ thuật và thời gian lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, chuyên gia.

NỘI DUNG 4: PHÊ DUYỆT ĐỀ CƯƠNG VÀ DỰ TOÁN CHI TIẾT

Điều chỉnh đề cương và dự toán chi tiết

TỰ ĐIỀU CHỈNH

Điều chỉnh không làm thay đổi giải pháp kỹ thuật, công nghệ cần tuân thủ, quy mô, mục tiêu ban đầu và không làm vượt dự toán chi tiết đã được duyệt

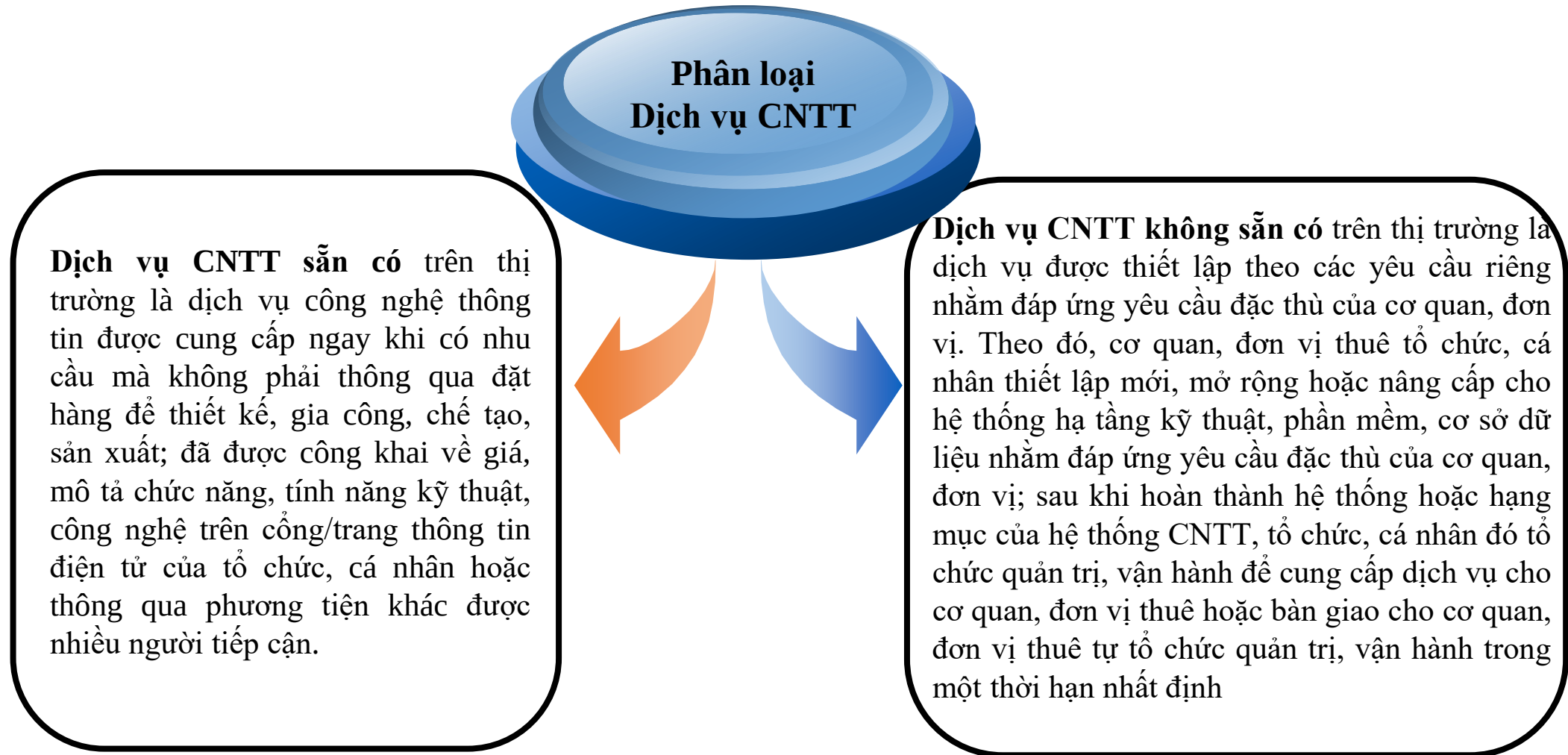
TRÌNH NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH

- Điều chỉnh làm thay đổi giải pháp kỹ thuật, công nghệ cần tuân thủ, quy mô, mục tiêu ban đầu
- Điều chỉnh làm vượt dự toán chi tiết được duyệt.
- Hồ sơ, thủ tục, thời gian thẩm định, phê duyệt điều chỉnh thực hiện như bước duyệt ban đầu.
- Nếu điều chỉnh làm thay đổi mức kinh phí lên trên 15 tỷ đồng thì phải thực hiện lại các thủ tục đầu tư theo quy định tại K3 Điều 51 NĐ 73.



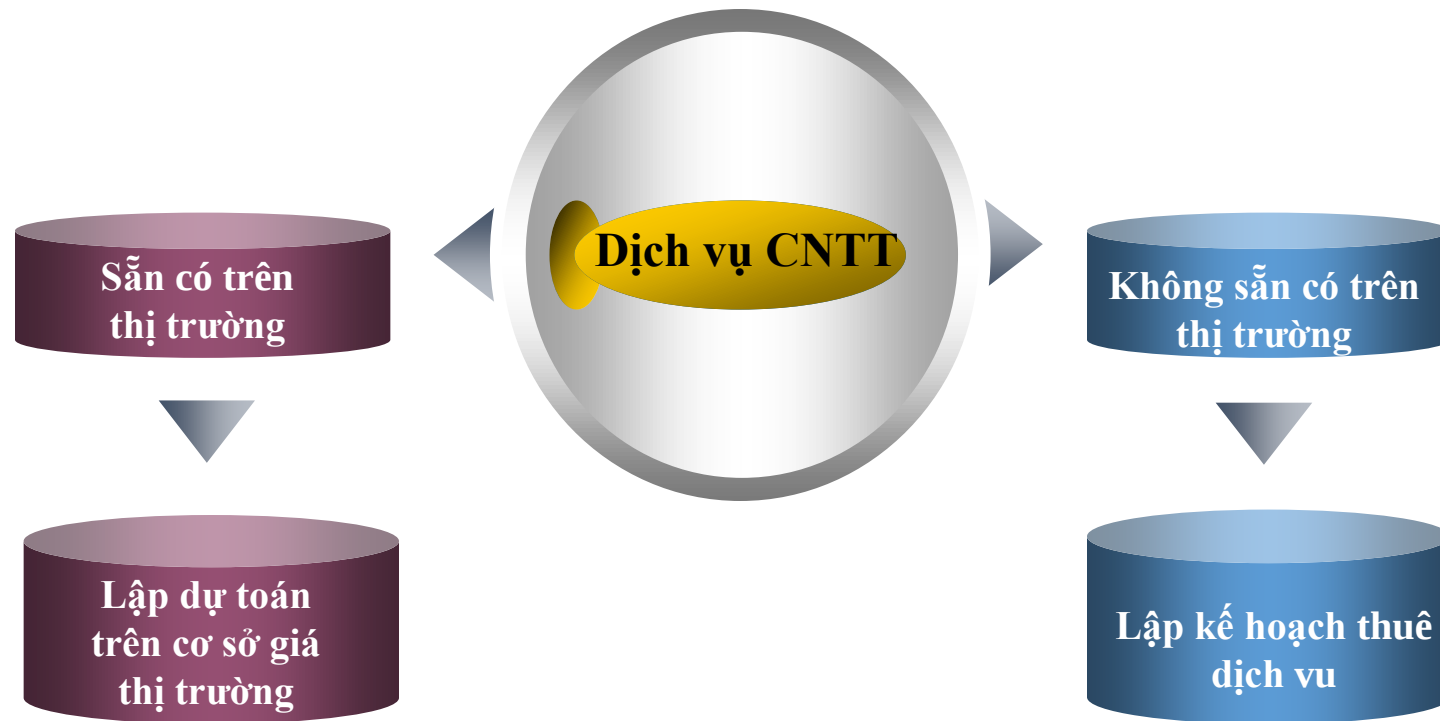
THUÊ DỊCH VỤ CNTT SỬ DỤNG KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYỀN NSNN

Thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên



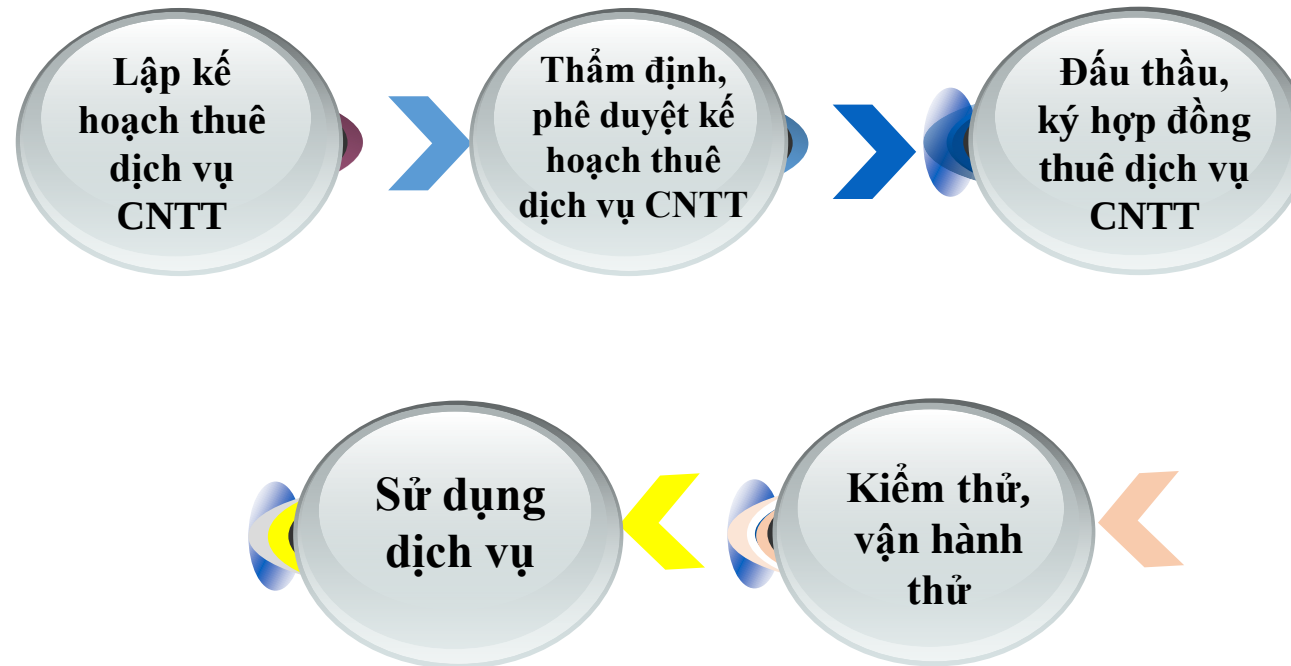
Thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

Quy trình thực hiện



Thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

Quy trình thực hiện thuê dịch vụ CNTT không sẵn có trên thị trường



Thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

Lập kế hoạch thuê

Chủ trì thuê (đơn vị sử dụng ngân sách được giao nhiệm vụ thuê dịch vụ)

Thẩm định kế hoạch thuê

Đơn vị chuyên môn trực thuộc cấp có thẩm quyền phê duyệt

Phê duyệt kế hoạch thuê

Cấp có thẩm quyền (thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên theo quy định

Tổ chức lựa chọn, ký kết hợp đồng

Chủ trì thuê tổ chức đấu thầu, ký kết hợp đồng

Kiểm thử, vận hành thử

Chủ trì thuê tự kiểm thử hoặc thuê tổ chức, cá nhân kiểm thử độc lập

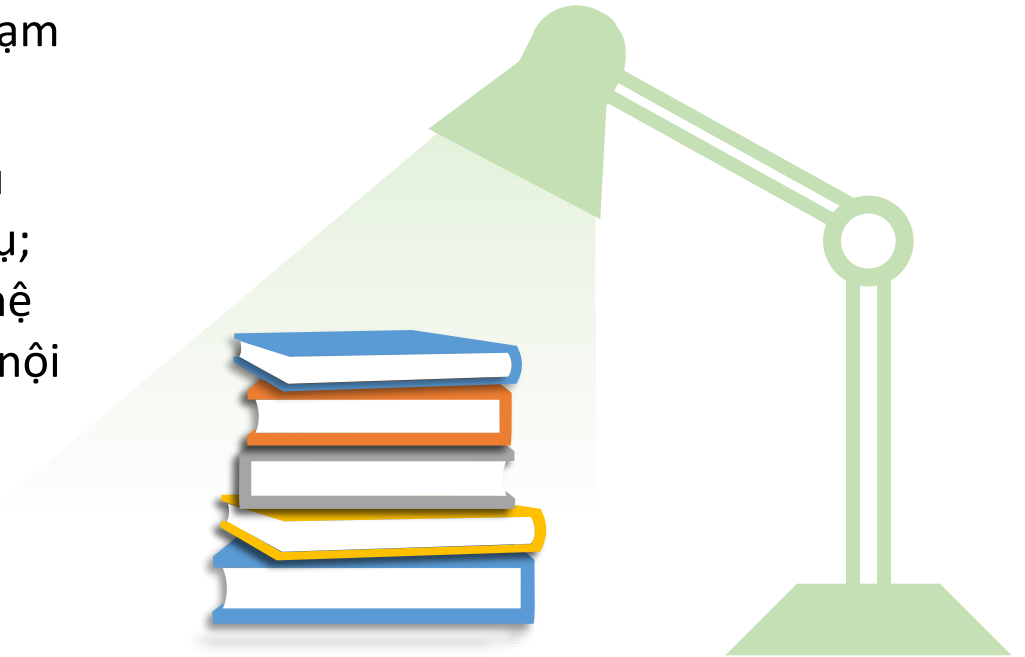
Sử dụng dịch vụ

Chủ trì thuê sử dụng dịch vụ

Thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

Nội dung kế hoạch thuê

- ✓ Hiện trạng, sự cần thiết thuê dịch vụ
- ✓ Các hạng mục chính cần thuê; mục tiêu, nội dung và quy mô, phạm vi, địa điểm và cơ quan, đơn vị sử dụng dịch vụ.;
- ✓ Xác định yêu cầu về chất lượng dịch vụ công nghệ thông tin; yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng yêu cầu chất lượng dịch vụ; yêu cầu, điều kiện về khả năng kết nối, liên thông với ứng dụng, hệ thống thông tin khác; mô tả yêu cầu cần đáp ứng của phần mềm nội bộ; yêu cầu về an toàn bảo mật thông tin, dữ liệu và các yêu cầu khác;
- ✓ Thời gian thuê và tiến độ, thời gian xây dựng, phát triển, hình thành dịch;
- ✓ Yêu cầu về các phát sinh trong quá trình khai khác, sử dụng dịch vụ;
- ✓ Dự toán thuê dịch vụ .



Thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

Dự toán thuê dịch vụ

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Phương pháp xác định
I	Chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin	Gct	Phương pháp so sánh; phương pháp chuyên gia; phương pháp lấy báo giá thị trường; phương pháp tính chi phí; kết hợp các phương pháp Lập dự toán hoặc theo định mức chi phí theo tỷ lệ.
II	Chi phí quản lý	Gql	
III	Chi phí tư vấn	Gtv	
IV	Chi phí khác	Gck	
V	Chi phí dự phòng	Gdp	
	TỔNG CỘNG	$G = Gct + Gql + Gtv + Gck + Gdp$	

Thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

Trình tự, hồ sơ, thời gian, nội dung thẩm định kế hoạch thuê



Thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

Các trường hợp điều chỉnh kế hoạch thuê



Yêu cầu phát sinh về chất lượng, số lượng dịch vụ cần thuê, thay đổi thời gian thuê làm tăng hoặc giảm chi phí



Yếu tố mang lại hiệu quả cao hơn



Yếu tố bất khả kháng



Chương trình, kế hoạch ứng dụng CNTT điều chỉnh có ảnh hưởng trực tiếp tới phạm vi, nội dung, quy mô, mục tiêu của kế hoạch thuê.

Thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch thuê

Chủ trì thuê

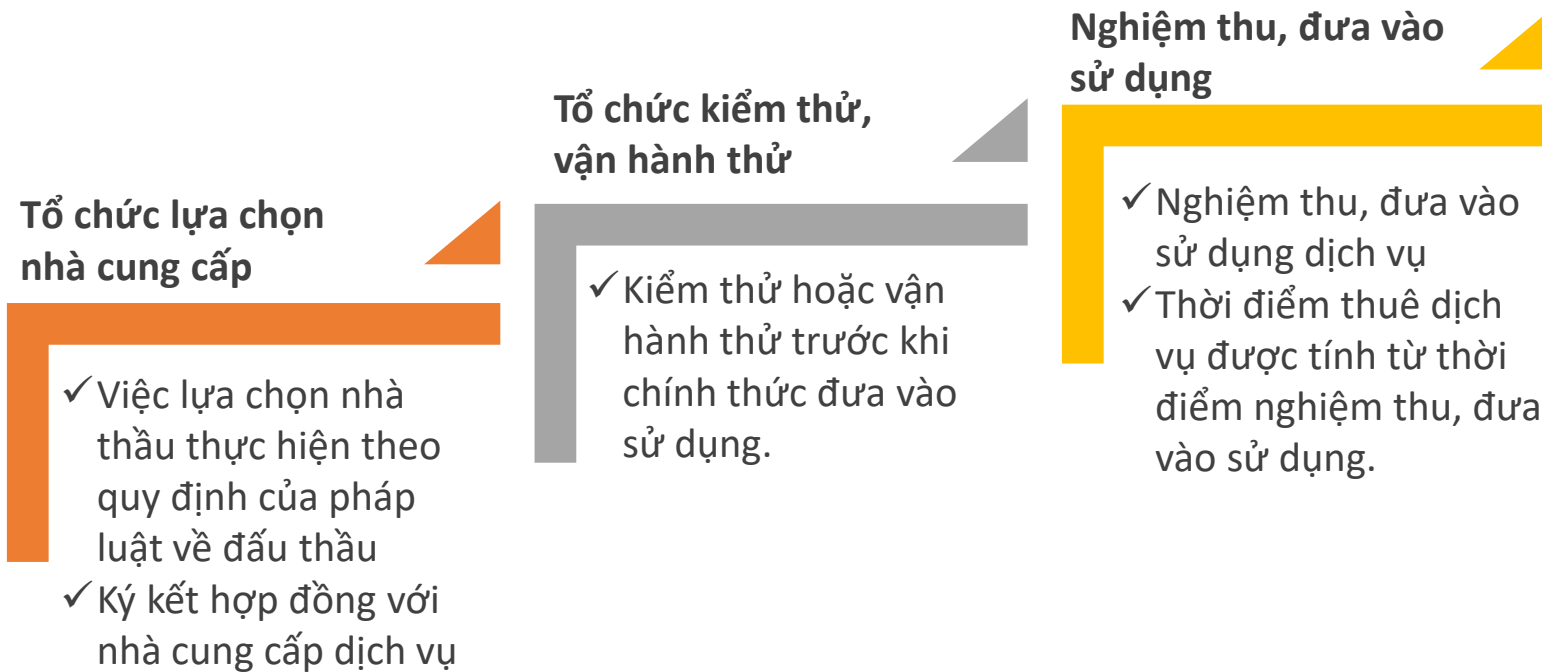
Cấp có thẩm quyền

✓ Điều chỉnh không làm thay đổi mục tiêu, quy mô; không vượt dự toán đã được phê duyệt.

✓ Điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu, quy mô hoặc vượt dự toán đã được phê duyệt.

Thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

- Triển khai kế hoạch thuê dịch vụ được duyệt





**TRAO ĐỔI KINH NGHIỆM,
HỎI - ĐÁP**

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

Trịnh Thị Trang
Cục Chuyển đổi số quốc gia
0383.199.885/tttrang.aita@gmail.com

